PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 279 + 280)

C. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y NHẬP KHẨU

ANH (ENGLAND)

1. Công ty Antec International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	DSC 1000	Alkyl dimethyl benzyl, Ammonium chloride, Alkyl alcohol ethoxylate, non-ionic surfactant	Lọ Chai Bình	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200 lít	Diệt vi sinh vật, chống vi khuẩn, nấm mốc và các loại men gây độc	ATI-1
2	Virudine	Iodine, Phosphoric acid	Lọ Chai Bình	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200 lít	Thuốc sát trùng	ATI-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Farm Fluid S	Acetic acid, Tar acid, Dodecyl benzene, Sulphonic acid	Lọ Chai Thùng	10; 20; 25; 50; 100ml 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200 lít	Thuốc sát trùng	ATI-4
4	Long Life 250 S	Organic acids, Biocides, Surfactants	Lọ, chai Thùng	10; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml 1; 2; 2,5; 5; 10; 25; 50; 200 lít	Thuốc sát trùng	ATI-5
5	Virkon S	Peroxygen, Surfactant, Organic acids, Inorganic buffer system	Gói Túi	5; 10; 20; 25; 50g 100; 200; 250; 500; 750g 1; 2,5; 5; 7,5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng	ATI-6
6	Hyperox	Peracetic acid, Hydrogen Peroxide	Thùng	100; 500ml, 1; 5; 20; 100; 500lít	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi thú y	ATI-7

2. Công ty SWC Health and Hygiene

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	SWC MAXVI-5	Glutaraldehyde	Can, thùng	5; 25; 200 lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-01
2	SWC BROADOL	Glutaraldehyde	Can, thùng	5; 25; 200 lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-02
3	SWC MAXIKILEEN	Tar.acid	Can, thùng	5; 25; 200 lít	Dùng làm thuốc sát trùng	SWC-03

3. Công ty Anupco

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Intercept	Glutaraldehyde, Benzalkonium	Can, thùng	5; 25 lít	Thuốc sát trùng	AP-17

4. Công ty Meriden Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Multicide 150 (Disinfectant)	Glutaradehyde, Dimethylcocobenzym, Ammonia chloride	Chai, can	500ml; 1lít; 5; 25lít	Thuốc sát trùng	MRD-01

5. Công ty Evans Vanodine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	GPC8	Glutaradehyde, Didecyl dimethyl, Aminoum chloride, Alcohol Ethoxylate, Phosphoric acid	Lọ Bình, thùng	100, 500ml 1; 2; 4 ; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng	EVE-02

6. Công ty Coventry Chemicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Omnicide	Glutaradyhyde, Coco benzyl Dimethyl Ammonium chloride	Bình	5; 25; 200 lít	Sát trùng dụng cụ chăn nuôi, chuồng trại gia súc, gia cầm	CVTUK-1

7. Công ty Quatchem LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Iodocleanse	Iodine	Chai, bình, thùng	1; 5; 25; 210l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	QC-1

8. Công ty AGIL

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Credence 1000	Chlorine, Sodium dichloroisocyanurate	Viên	17,36 g	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	AGI-1

9. Công ty ECO Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Ecotraz 250	Amitraz	Chai, can	100; 200ml; 1; 5; 10 lít	Trị ve, chấy, rận, ghẻ trên trâu, bò, dê, cừu	Nam Phi	ECO-8

10. Công ty Special Product Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Oxytoxin-10 Inj	Oxytoxin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Kích thích đẻ, trị sót nhau, kém sữa trên bò, dê, cừu, heo, lừa	SPT-9

ARGENTINA

1. Công ty Proagro S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bicheron 50 NF	Cypermethrin	Chai, can	50; 100ml; 1; 5; 10 lít	Diệt côn trùng ký sinh trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	PSA-2
2	Sterilon	Benzalkonium chloride	Chai, can	100ml; 1; 5; 10 lít	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PSA-5
3	Bicheron Pour on	Cypermethrin	Chai, can	100ml; 1; 5; 10 lít	Diệt côn trùng ký sinh trên trâu, bò, dê, cừu, heo	PSA-6

ẤN ĐỘ (INDIA)

1. Công ty Ranbaxy Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Qualítrol	Ortho-phenylphenol, ortho-benzyl-para amylphenol, Para-tertiary amylphenol	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	RBXI-4

2. Công ty CIPLA Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Protektor	Fipronil	Lọ	100; 250ml	Phòng trị ve, bọ chét trên chó, mèo	CIPLA-25

AUSTRALIA

1. Công ty Troy Laboratories Pty

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sectalin	Pyrethrins, Piperonyl sutoxide	Chai	250ml, 375ml	Xà bông tắm, trị ký sinh trùng trên thú nuôi	TROY-1

2. Công ty Jurox Pty Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Juramate P	Cloprostenol	Chai	20ml	Dùng kích thích đẻ trên heo	JPL-3
2	Juramate	Cloprostenol	Chai	20ml; 50ml	Giúp lên giống, kích đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, ngựa	JPL-4

BELGIUM

1. Công ty V.M.D.N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	D4+Disinfectant (VMD Disinfectant 5)	Glyoxal, Glutaraldehyde, Formaldehyde, Alkyldiumethyl benzylammonium chloride	Chai, thùng	1; 5; 10; 200 lít	Sát trùng trang thiết bị, chuồng trại	VMD-34
2	Oxytocin 10	Oxytocin	Chai	10; 30; 50; 100ml	Thúc đẻ	VMD-37
3	Cloprostenol	Cloprostenol	Chai	10; 30; 50; 100ml	Điều hòa việc lên giống gia súc	VMD-39
4	Ferridon-200	Sắt (Fe^{3+})	Chai, bình	50; 100ml; 25; 200 lít	Phòng và trị các bệnh do thiếu sắt	VMD-38

2. Công ty Janssen Pharmaceutica N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Clinafarm Smoke	Enilconazole	Lọ (6 lọ/hộp)	33,4g; 38,4g; 66g 5; 66g	Tiêu diệt nấm mốc gây hại ở lò ấp nở của gia súc, gia cầm	JSPB-1
2	Clinafarm Spray	Enilconazole	Chai	1 lít	Tiêu diệt nấm mốc ở lò ấp nở	JSPB-2

3. Công ty Cidline

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cid 20	Alkydimethybenzyl ammonium chloride, Glyoxal, Glutaraldehyde, Isopropano; formaldehyde	Can	1; 5; 10; 25 lít	Sát trùng chuồng trại	CID-1

CANNADA

1. Công ty Vetech Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Immucox vaccine for chicken I	Uniformly low does of live oocysts	Lọ	15ml	Phòng bệnh cầu trùng	VTL-1
2	Immucox vaccine for chicken II	Uniformly low does of live oocysts	Lọ	15ml	Phòng bệnh cầu trùng	VTL-2

2. Công ty Glide Chem PTV.LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Povidone - Iodine (PVP Iodine)	Povidone iodine	Thùng	70kg	Dùng làm thuốc sát trùng	GCC-01

3. Công ty Dextran Product

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Sắt (Fe)	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-1
2	Iron Dextran 10%-B_{12}	Sắt (Fe) + Vitamin B_{12}	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-2
3	Iron Dextran 20%	Sắt (Fe)	Thùng	200 lít	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	DP-3

IRELAND

1. Công ty Medentech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1.	Aquatabs 150	Sodium dichloroisocyanurate	Vỉ	6 viên	Sản phẩm khử trùng nước	MDT-4
2.	Aquasept F	Sodium dichloroisocyanurate	Hộp	60 viên	Sản phẩm khử trùng nước	MDT-5

SCOTLAND

1. Công ty Kilco International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Viroguard	Gluteraldehyde, Formaldehyde, Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Thuốc sát trùng dụng cụ, phương tiện vận chuyển và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-2
2	Ovasan	Potassium peroxomonsulphate, Sodium dichloroisocyanurate	Gói, bao	500g; 1; 5; 5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng vỏ trứng trong quá trình ấp	KILCO-3
3	Cleantray	Potassium hydroxide, Tetra potassium pyrophosphate	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Chất tẩy rửa dụng cụ và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-4
4	Ecofoam	Sodium hydroxide	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Chất tẩy rửa dụng cụ và chuồng trại chăn nuôi	KILCO-5
5	Virex	Potassium peroxomonsulphate, Sodium dichloroisocyanurate	Gói, bao	500g; 1; 5; 5; 10; 25; 50kg	Thuốc sát trùng dụng cụ, chuồng trại và xử lý hệ thống nước	KILCO-6

GERMANY

1. Công ty Bayer Healthcare AG (BAYER AG)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Solfac WP 10	Cyfluthrin	Gói, bao	4; 8; 20; 100g; 1,2; 5; 20kg	Diệt côn trùng gây hại	Germany, Spain Thái Lan	BYA-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
2	Solfac EW 050	Cyfluthrin	Chai Thùng	4; 8; 20; 100ml; 500ml; 1000ml; 3; 5 lít	Diệt côn trùng gây hại	Germany, Thái Lan	BYA-8
3	Kiltix collar for dogs	Propoxur, Flumethrin	Vòng	35; 48; 66cm	Kiểm soát ve, bọ chét trên chó	Germany	BYA-14
4	Quick Bayt	Imidacloprid	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 250g; 500g; 1; 5; 17; 40kg	Diệt ruồi	Germany, Hà Lan, Thái Lan	BYA-17
5	Delegol CD 250	Preventol CMK; 1,2- Propandiol; Texapon N70; Salicylic acid	Lọ Chai	100, 500; 1000ml 10; 50; 100; 200; 1000 lít	Thuốc sát trùng	Germany	BYA-18
6	Racumin Paste 0.0375	Coumatetralyl	Gói, bao	20; 100; 200; 500g 1; 2; 25; 50kg	Thuốc diệt chuột tại trang trại chăn nuôi	Germany, Thái Lan	BYA-20
7	Racumin PT 0.75	Coumatetralyl	Gói, bao	20; 100; 200; 500g 1; 2; 25; 50kg	Thuốc diệt chuột tại trang trại chăn nuôi	Germany, Thái Lan	BYA-21
8	Advantix spot-on	Imidacloprid, Permethrin	Tuýp	0,4; 1,0; 2,5; 4,0ml	Phòng và trị ve, bọ chét và xua đuổi muỗi, ruồi trên chó	Germany	BYA-25
9	Advocate spot-on for dogs	Imidacloprid, Moxidectin	Tuýp	0,4; 1,0; 2,5; 4,0ml	Phòng và trị bọ chét, ghẻ tai, ghẻ Sarcoptic, giun tim, giun đũa dạ dày ruột trên chó	Germany	BYA-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
10	Perizin	Coumaphos	Chai	10ml	Điều trị chí trên ong mật	Germany	BYA-27
11	Asuntol Soap	Coumaphos	Bánh/ hộp	75g	Diệt ngoại ký sinh trùng trên chó	India	BYA-28

2. Công ty BASF Aktiengesellschaft

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Gonestrol Chai 25ml	Choronic gonadotrophin	Chai	25ml, 50ml	Bổ sung Choronic gonadotrophin	Spain	BASF-28
2	PVP-Iodine 30/06	Polyvinylpyrrolidone Iodine complet	Thùng	70kg	Cung cấp Iodine complet Polyvinylpyrrolidone	Mỹ	BASF-32

3. Công ty Ewabo Chemikalien GMBH KG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Aldekol Des FF	Glutaraldehyde, Quaternary Ammonium chloride	Chai, can	100; 500ml; 1; 3; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển	ECG-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Oxykol	Peracetic acid, Benzalkonium chloride	Túi, bao	100; 200; 500g; 1; 3; 5; 10; 25kg	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, cơ sở chế biến, trạm ấp	ECG-2
3	Aldekol Des 03	Formaldehyde, Glutaraldehyde	Chai, can	100; 500ml; 1; 3; 5; 10; 20; 25 lít	Sát trùng trại chăn nuôi bò, lợn, gà	ECG-3
4	Iodosan 30	Iodine	Bình, can, phuy	100; 500ml; 1; 5; 10; 25; 200 lít	Sát trùng chuồng trại, lò mổ, trạm ấp, phương tiện vận chuyển, dụng cụ	ECG-4

4. Công ty Boehringer Ingelheim VET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ingelvac Circoflex	Porcine circovirus type ORF-2 vô hoạt	Chai	10ml/10 liều; 50ml/50 liều; 100ml/100 liều; 250ml/250 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây còi cọc sau cai sữa trên heo con	BIV-1
2	Ingelvac MycoFlex	M.hyopneumoniae vô hoạt, chủng B-3745	Chai	10ml/10 liều; 50ml/50 liều; 100ml/100 liều; 250ml/250 liều	Phòng bệnh viêm phổi do Mycoplasma hyopneumoniae gây ra trên heo	BIV-2
3	Ingelvac PRRS MLV	Virus gây hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản chủng ATCC VR-2332	Chai	20ml (10 liều); 100ml (50 liều)	Phòng hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS) trên heo	BIV-3

DENMARK

1. Công ty FEF Chemicals A/S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Benzal konium chloride 50, 80%	Benzal koniumchloride	Thùng, bình	1; 2; 5; 10; 25; 200kg	Sát trùng chuồng, dụng cụ, nước, ao	FFC-1

NEITHERLAND

1. Công ty Intervet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Nobilis Duck Plague	Virus dịch tả vịt nhược độc	Lọ	250, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Dịch tả vịt	Hà Lan	IT-2
2	Nobilis Coryza	Vi khuẩn Coryza	Chai	250ml; 500ml	Phòng bệnh sưng phù đầu gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-4
3	Nobilis MA 5	Virus IB dòng MA5 nhược độc	Lọ	500, 1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-5
4	Nobilis IB+G+ND	Virus IB, G, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-6
5	Nobilis Gumboro Inac	Virus Gumboro	Chai	500ml	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
6	Nobilis Gumboro 228E	Virus Gumboro	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-8
7	Nobilis ND+EDS 0.25; Nobilis ND+EDS 0.5	Virus ND, EDS	Lọ, Chai	250ml 500ml	Phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-9
8	Nobilis REO 1133	Virus REO 1133	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm khớp trên gà	Hà Lan	IT-10
9	Nobilis Gumboro D78	Virus Gumboro D78 nhược độc	Lọ	200, 500; 1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-11
10	Nobilis REO+IB+G+ ND	Virus REO, IB, G, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm khớp, viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-12
11	Nobilis IB+ND	Virus IB, ND	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-13
12	Nobilis REO inac	Virus Reo	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm khớp trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-14
13	Nobilis MG 6/85	Vi khuẩn MG nhược độc	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan	IT-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
14	Nobilis Marek THV Lyo	Virus Marek	Lọ	250; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-16
15	Nobilis FC Inac	Vi khuẩn FC	Chai	500ml	Phòng Tụ huyết trùng trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-17
16	Nobilis Marek SB_1 Lyo	Virus Marek	Týp	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-18
17	Nobilis SG 9R	Vi khuẩn SG 9R nhược độc	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Salmonella trên gà	Hà Lan	IT-19
18	Nobilis Rismavac	Virus Marek	Ống	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-20
19	Nobilis G+ND+EDS	Virus G, ND, EDS	Chai	500ml	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, Hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-21
20	Nobilis Marexine CA126	Virus Marek	Ống	1000, 2000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Hà Lan	IT-22
21	Nobilis MA5 + Clone 30	Virus IB, ND nhược độc	Lọ	500; 1000; 2500 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-23
22	Nobilis AE + Pox	Virus AE, Pox nhược độc	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm não tủy truyền nhiễm, đậu trên gà	Hà Lan	IT-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
23	Nobilis ILT	Virus ILT nhược độc	Lọ	1000; 2500 liều	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-25
24	Nobilis MG inac	Vi khuẩn MG	Chai	500ml	Phòng bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-26
25	Nobilis IB+ND+EDS	Virus IB, ND, EDS	Chai	500ml	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle, Hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-27
26	Nobilis IB H 120	Virus IB nhược độc	Lọ	1000; 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-28
27	Nobilis G+ND	Virus G, ND	Chai	500ml	Phòng Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-29
28	Nobilis MG Antigen	Vi khuẩn MG vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh do Mycoplasma trên gà	Hà Lan	IT-30
29	Nobilis MS Antigen	Vi khuẩn MS vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh viêm khớp do Mycoplasma synoviae trên gà	Hà Lan	IT-31
30	Nobilis SP Antigen	Vi khuẩn SP vô hoạt	Lọ	200 test/10ml	Kháng nguyên chẩn đoán bệnh do Salmonella trên gà	Hà Lan	IT-32
31	Nobilis ND Hichner	Virus ND vô hoạt	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan	IT-33
32	Porcilis Aujeszky	Virus Aujeszky	Lọ	20; 100ml	Phòng bệnh Giả dại trên heo	Hà Lan	IT-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
33	Porcilis Begonia	Virus Aujeszky nhược độc	Lọ	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Giả dại trên heo	Hà Lan	IT-35
34	Porcilis Aujeszky + Coli	Virus Aujeszky + Coli	Lọ	20; 50ml	Phòng bệnh Giả dại, E. coli trên heo	Hà Lan	IT-36
35	Porcilis Aujeszky + Parvo	Virus Aujeszky + Parvo	Lọ	20ml	Phòng bệnh Giả dại, khô thai trên heo	Intervet Hà Lan	IT-37
36	Porcilis Parvo	Virus Parvo	Lọ	20; 50ml	Phòng bệnh khô thai trên heo	Intervet Hà Lan	IT-38
37	Porcilis Porcoli DF	Vi khuẩn Coli	Lọ	20; 50ml	Phòng bệnh tiêu chảy do E. coli trên heo con	Hà Lan	IT-39
38	Nobivac Lepto	Vi khuẩn Lepto nhược độc	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Lepto trên chó	Hà Lan	IT-40
39	Nobivac DHP	Virus DHP	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Care, Viêm gan, khô thai trên chó	Hà Lan	IT-41
40	Nobivac Rabies	Virus dại	Lọ	1 liều; 10 liều	Phòng bệnh dại chó	Hà Lan	IT-42
41	Nobivac DHPPi	Virus DHPPi	Lọ	1 liều; 50 liều	Phòng bệnh Care, viêm gan, khô thai, phó cúm trên chó	Hà Lan	IT-43
42	Nobi-Equenza T	Virus influenza	Lọ	1 liều	Phòng bệnh uốn ván và hô hấp do virus cúm gây ra trên ngựa	Hà Lan	IT-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
43	PG 600	Serum gonadotrophin, HCG	Lọ	1 liều + 5ml nước pha; 5 liều + 25ml nước pha	Kích thích heo lên giống	Hà Lan	IT-60
44	Halamid	Chloramin-T	Thùng	1; 5; 10; 25kg	Thuốc sát trùng	Hà Lan	IT-64
45	S.O.A	Androstone	Chai	12 x 75ml	Phát hiện heo cái lên giống	Hà Lan	IT-65
46	Decivac FMD DOE Monovalent	Virus FMD DOE	Lọ	20, 50; 100; 250ml	Phòng bệnh Lở mồm long móng trên trâu bò, heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-66
47	Nobilis ND Clone 30	Virus ND nhược độc	Lọ	200, 500, 1000, 2500, 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-67
48	Nobilis Newcavac	Virus ND	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-68
49	Nobilis EDS	Virus EDS	Lọ	500, 1000; 2500 liều	Phòng hội chứng giảm đẻ trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-69
50	Prosolvin	Luprostiol	Lọ	2, 10, 20 ml	Gây xảy thai, thúc đẻ trên trâu bò	Hà Lan	IT-70
51	Decivac FMD ALSA	Virus FMD ALSA	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng bệnh Lở mồm long móng trên trâu bò	Hà Lan, Ấn Độ	IT-71
52	Nobilis Ovo-Diptherin	Virus đậu nhược độc	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	Hà Lan	IT-76
53	Nobilis Coryza +ND	Vi khuẩn Coryza, virus ND	Chai	12 x 500ml	Phòng bệnh sưng phù đầu, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
54	Nobilis CAV P4	Virus CA	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh thiếu máu truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-78
55	Porcilis Ery+Parvo	Vi khuẩn Ery, virus parvo	Lọ	20, 50 ml	Phòng đóng đấu lợn, khô thai trên heo	Hà Lan	IT-79
56	Nobilis ND Lasota	Virus ND Lasota nhược độc	Lọ	10 x 200, 500; 1000; 2500 liều	Phòng bệnh Newcastle	Hà Lan, Ấn Độ	IT-80
57	Chorulon	HCG	Lọ	1500 IU & 5000 IU	Cải thiện tỷ lệ thụ thai trên trâu, bò, ngựa, chó	Hà Lan	IT-81
58	Intertocine -S	Oxytocin	Lọ	10; 25; 50ml (10 I.U/ml)ọ	Bình phục tử cung sau sinh, giảm xuất huyết sau sinh, kích thích tiết sữa trên trâu, bò, ngựa	Hà Lan	IT-82
59	Nymfalon	HCG, Progesterone	Lọ	1 liều + 5ml nước pha	Trị u nang buồng trứng trên trâu bò	Hà Lan	IT-83
60	Fertagyl	Gonadorelin	Lọ	5ml	Cải thiện khả năng thụ tinh trên trâu bò, thỏ	Hà Lan	IT-84
61	Folligon	Manitol, Serum Gonadotrophin	Lọ	1000 UI & 5000 UI/PMSG	Kích thích, cải thiện khả năng thụ tinh trên trâu, bò, dê, thỏ, cừu, chó	Hà Lan	IT-85
62	Delvosteron (Covinan)	Proligestone	Lọ	20ml	Ngăn chặn lên giống trên chó, mèo	Hà Lan	IT-86
63	Nobilis ND Broiler	Virus ND	Lọ	200, 500ml	Phòng bệnh Newcastle trên gà	Hà Lan	IT-87

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
64	Nobilis IB 4/91	Virus IB 4/91 nhược độc	Lọ	500; 1000; 2000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-88
65	Nobilis RT + IBmulti +G+ND	Virus RT, IB,G,ND	Chai	12 x 500ml	Phòng viêm mũi, viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-89
66	Nobilis IB D 1466	Virus IB, D 1466 nhược độc	Lọ	10, 500, 1000, 2500, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Hà Lan	IT-90
67	Nobilis RT Inac	Virus RT	Chai	12 x 500ml	Phòng bệnh viêm mũi truyền nhiễm trên gà	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-91
68	Nobilis Rismavac + CA 126	Virus Marek nhược độc	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek gà	Hà Lan	IT-92
69	Nobilis Marexine CA 126 + SB_1	Virus Marek nhược độc	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek gà	Hà Lan	IT-93
70	Porcilis Pesti	Virus CSF	Lọ	50, 100, 250ml	Phòng bệnh Dịch tả lợn	Hà Lan	IT-94
71	Porcilis M	Vi khuẩn Mycoplasma	Lọ	20, 50, 100ml	Phòng bệnh suyễn lợn	Hà Lan, Mỹ	IT-95
72	Porcilis APP	độc tố Apx 1, 2, 3, OMP	Lọ	20, 100, 200ml	Phòng bệnh viêm phổi màng phổi lợn	Hà Lan	IT-96
73	Regumate Porcine	Altrenogest	Chai	360ml	Làm lên giống đồng loạt, tăng số heo con mỗi lứa	Pháp	IT-118

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
74	Dri-Vac HVT	Virus Marek	Lọ	500, 1000, 5000 liều	Phòng bệnh Marek trên gà	Tribio Mỹ	IT-119
75	Bio-Burs	Virus Gumboro	Lọ	500, 1000, 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro	Tribio Mỹ	IT-120
76	Bio-Sola Bron MM	Virus IB	Lọ	500, 1000, 5000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	Tribio Mỹ	IT-121
77	Solvens Oculo/Nasal	Patent Blue V	Lọ	1000 liều	Nước pha vaccine gà	Hà Lan, Ấn Độ	IT-122
78	Nobilis E.Coli Inac	Kháng nguyên F11, FT	Lọ	500ml	Phòng bệnh E.coli trên gà	Hà Lan	IT-123
79	Nobilis Cox ATM	Noãn nang E. acervulina, E.Tenalla, E. maxima	Lọ	100; 500ml	Phòng bệnh Cầu trùng gà	Hà Lan	IT-124
80	Porcilis CSF live	virus Hogcholera nhược độc	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng bệnh Dịch tả lợn	Ấn Độ, Japan	IT-126
81	Nobilis IB multi + G+ND	virus IB, G, ND vô hoạt	Lọ	1000 liều (500ml)	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, Gumboro, Newcastle	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-127
82	Bovine PPD Turberculin	Mycobacterium	Lọ	2,2ml (20 liều) 1,6ml (15 liều)	Chẩn đoán bệnh lao bò	Hà Lan, Ấn Độ	IT-128
83	Porcilis PRRS	Virus PRRS	Lọ	10, 25, 50, 100 liều	Phòng hội chứng rối loạn hô hấp, sinh sản lợn	Hà Lan, Ấn Độ	IT-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
84	Nobilis ND C_2	Virus Newcastle type B_1, dòng C_2	Lọ	1000, 2000, 10000, 25000 liều	Phòng bệnh Newcastle	Hà Lan, Ấn Độ, USA	IT-130
85	Unisolve	Sucrose, Disodium phoshate dihydrate	Lọ	Lọ 10, 20, 50, 100, 200ml	Nước pha vaccine heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-131
86	Diluvac Forte	dl-tocopherol acetate, disodium phosphate dihydrate	Lọ	Lọ 10, 20, 50, 100, 200ml	Nước pha vaccine heo	Hà Lan, Ấn Độ	IT-132
87	Prosystem BPM (Porcilis BPM)	Bordetella bronchiseptica, Pasteurella multocida type A, D và Myco. hyopneumoniae	Lọ	50; 100ml	Phòng viêm teo mũi truyền nhiễm, bệnh tụ huyết trùng và bệnh suyễn lợn	Mỹ, Hà Lan	IT-133
88	Chlorasol	Chloramine T	Bao Thùng	1kg 25kg	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi thú y	Ấn Độ	IT-134
89	Nobivac RL	Kháng nguyên virus dại dòng Pasteur RIV,	Lọ	1ml (1 liều)	Phòng bệnh dại, Lepto ở chó	Hà Lan	IT-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
		Leptospira interogans: L.Caniola, L.Icterohaemorrhagiae					
90	Nobilis Salenvac T	S. enteritidis PT4 S. typhimurium DT 104	Lọ	10ml	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh do Salmonella ở gà	Hà Lan	IT-136
91	Preloban	R-cloprostenol sodium; Chlorocresol	Lọ	10ml	Rối loạn chức năng sinh sản, u nang hoàng thể,…	Đức	IT-137
92	Porcilis® Myco silencer once	Kháng nguyên Mycoplasma hyopneumonia strain 11	Lọ (PE)	20; 50; 100ml; 200; 500ml (2ml/1 liều)	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh viêm phổi do Mycoplasma hyopneumonia	USA	IT-139
93	Nobilis® Covac- 4	Kháng nguyên Haemophilus paragallinarum:	Lọ (PE)	500ml (0,5ml/1 liều)	Vắc xin vô hoạt phòng bệnh Coryza do H. paragallinarum	Hà Lan	IT-140
94	Nobilis Influenza H5	Kháng nguyên vi rút cúm gia cầm vô hoạt týp A, tuýp phụ H_5N_2,	Chai	500ml	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà do virút cúm chủng A, phân chủng H_5	Hà Lan, Tây Ban Nha	IT-146

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
95	Prosystem® 2*1*4*3 (ProSystem Trec)	- ProSystem 2*1: Kháng nguyên Rotavirut (serotype $G^{4,5}$) và virut viêm dạ dày ruột truyền nhiễm. - ProSystem 4*3: Giải độc tố vi khuẩn E.coli và Cl.perfringen (typeC)	Lọ	1 lọ đông khô + 1 lọ 20ml dung dịch (mười liều)	Phòng viêm dạ dày ruột truyền nhiễm (TGE) và tiêu chảy do Rotavirut. Phòng, khống chế bệnh do E.coli (K88, K99, F41, 987P) và do Cl.perfringens type C cho lợn.	USA	IT-141
96	Nobilis Diluent FD	Đường, Potassium dihydrogen , Disodium phosphate dihydrate, Sodium chloride, Phenol sulfonpyphtha-lein	Lọ	200; 400ml 200; 400; 500ml	Dung dịch pha vắc xin sống đông khô	Hà Lan	IT-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
97	Nobilis Diluent CA	Đường, Pancreatic digest of casein, Kali dihydrogen phosphate, Phenol sulfonp-yphthalein,	Lọ	200; 400; 500 ml 200; 400; 500; 600; 800ml; 1; 1,2 lít	Dung dịch pha vắc xin liên kết tế bào	Hà Lan	IT-143
98	Porcilis M Hyo	Mycoplasma hyopneumonia dòng 11 vô hoạt	Lọ	20ml (10 liều); 50ml (25 liều); 100ml (50 liều); 200ml (100 liều); 250ml (125 liều)	Phòng viêm phổi do M.hyopneumonia cho lợn	Hà Lan	IT-144
99	Porcilis AR-T	Giải độc tố Pasteurella multocida, Bordetella bronchiseptica vô hoạt	Lọ	20ml (10 liều); 50ml (25 liều)	Phòng bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm trên lợn	Hà Lan	IT-145
100	Decivac Fmd DOE-Trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O1, A22, Asia1.	Lọ	20ml (10 liều); 30ml (15 liều); 50ml (25 liều); 100ml (50 liều)	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	Ấn Độ	IT-148

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
101	Decivac FMD DOE	Kháng nguyên LMLM vô hoạt chủng O1 Manisa	Chai	20; 50ml 100; 250; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng	Hà Lan	IT-149
102	Porcilis® Glasser	Haemophillus parasuis serotype 5(vô hoạt)	Lọ	20ml (10 liều), 50ml (25 liều), 100ml (50 liều)	Phòng bệnh viêm phổi thể kính do Haemophillus parasuis serotype 5 gây ra trên lợn	Hà Lan	IT-150
103	Porcilis PCV	Porcine Circovirus type 2	Chai	20ml (10 liều); 50ml (25 liều) 100ml (50 liều); 200ml (100 liều); 500ml (250 liều)	Phòng bệnh còi cọc do Porcine Circovirus type 2 gây ra trên lợn	Hà Lan	IT-151
104	Circumvent PCV	Porcine circovirus type ORF-2 vô hoạt	Chai	100ml/50 liều; 200ml/100 liều; 500ml/250 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây gầy còm sau cai sữa trên heo	Hà Lan	IT-152

2. Công ty Eurovet Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytoxin	Oxytocin acetate	Lọ	100ml	Kích thích đẻ, trị sót nhau, kém sữa, viêm vú	ERV-7
2	Synovet 600	Serium gona clotrophin, Chorionic goraclotropin	Lọ	1 liều (x 5ml dung môi)	Kích thích lên giống	ERV-21

3. Công ty Polymix B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Disinfectant (thuốc sát trùng)	Isopropanol, Glutaradehyde, Formaldehyde, Dedeccyldimethylamonium chloride, Fatalcoholpolyglycolether	Chai, thùng	100ml; 5 lít	Thuốc sát trùng	PLM-10

4. Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Iron Dextran, Complex	Chai	50; 100 ml	Bổ sung sắt cho gia súc non	DUTCH-1
2	Iron Dextran 20%	Iron Dextran, Complex	Chai	50; 100 ml	Bổ sung sắt cho gia súc non	DUTCH-2
3	Oxytocin 10 I.U/ml Inj	Oxytocin	Chai	10; 50ml	Thúc đẻ, điều trị bệnh sa tử cung bằng tay; Trị mất sữa ở ngựa cái, bò cái, lợn cái, cừu, dê, chó, mèo	DUTCH-16

5. Công ty Alfasan Internation B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Corpuline	Gonadotrophin, Oestradiol	Lọ	10ml	Kích thích lên giống, chậm lên giống, không lên giống	AFSI-7

LIÊN BANG NGA (RUSSIA)

1. Federal Governmental Institution " Federal Centre for Animal Health" (FGI "ARRIAH")

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Foot and Mouth Disease vaccine (Type O1 Manisa, A22)	Kháng nguyên FMD chủng O1 Manisa, A22	Chai, bình	20; 50; 100; 200ml, 20, 50 lít	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, heo	FGI-1
2	Foot and Mouth Disease vaccine (Type O1 Manisa, Asia 1 shamir)	Kháng nguyên FMD chủng O1 Manisa, Asia 1 shamir	Chai, bình	20; 50; 100; 200ml, 20, 50 lít	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, heo	FGI-2
3	Foot and Mouth Disease vaccine (Type O1 Manisa, A22, Asia 1 shamir)	Kháng nguyên FMD chủng O1 Manisa, A22, Asia 1 shamir	Chai, bình	20; 50; 100; 200ml, 20, 50 lít	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, heo	FGI-3
4	Foot and Mouth Disease vaccine (Type O1 Manisa)	Kháng nguyên FMD chủng O1 Manisa	Chai, bình	20; 50; 100; 200ml, 20, 50 lít	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, heo	FGI-4

2. Công ty khoa học - sản xuất "Trung tâm nghiên cứu" Koltsovo, Novosibisk

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vetom 1.1	Bacillus subtilis	Gói, hộp	1; 2; 5; 10; 50; 500; 1000g	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa cho gà, lợn	VETO-1
2	Vetom 3	Bacillus subtilis	Gói, hộp	1; 2; 5; 10; 50; 500; 1000g	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa cho gà, lợn	VETO-2

KOREA

1. Công ty Choongang Biotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	CYC-100	Saccharomyces cerevisiae	Gói, bao	100g; 1; 25kg	Kích thích tiêu hóa, phòng tiêu chảy ở lợn con, gà con	CAC-6
2	Super CYC	Men saccharomyces cerevisiae	Gói, bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Kích thích tiêu hóa, phòng tiêu chảy ở lợn con, gà con	CAC-15
3	Super Zin-Methi	Zine, Methionine, live yeast culture	Gói, bao	10; 20; 30; 100g; 1kg 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu kẽm	CAC-20

2. Công ty Komipharm International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tissue-Culture Rabies Vac	Vaccin sống đông khô	Lọ	1; 2; 5; 10 liều	Phòng bệnh dại	KMB-4
2	IBD-VAC	Bursal disease virus	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	KMB-5
3	HC Vac (Hog cholera vaccin)	Hog Cholera	Chai	2; 5; 10; 20; 50 liều	Vaccin dịch tả heo	KMB-18
4	Rabies vaccine	Virus dại	Lọ	1; 2; 3; 5; 10; 20 liều	Phòng bệnh dại	KMB-19
5	Komi Oxytocin Inj.	Oxytocin	Lọ	10; 50ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	KMB-20
6	Pro-vac Circomaster Vac	Porcine Circo Virus type 2 protein antigen	Lọ	10 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây ra trên lợn	KMB-27

3. Công ty Green Gross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Porcine parvovirus gene vaccine	Porcine parvovirus VP2 protein	Lọ	5 liều	Phòng bệnh do Parvo-virus gây ra	GGVK-01
2	Swine E.coli vaccine	K88 ab, K88 ac, K99, 987P K88 ab pili, K88 ac pili	Lọ	5 liều	Phòng bệnh do E.coli gây ra	GGVK-02
3	IB1 Live/IB vaccine	Infectious bronchitis virus (H-20 strain) Newcastle disease virus (B_1 strain)	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và bệnh Viêm thanh khí quản truyền nhiễm	GGVK-03

4. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lactolase p	Lactic bacterium, Amilase, Protease, Cellulase	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị tiêu chảy do E.coli ở heo	SPC-7
2	Esrone Inj	Estradiol benzoate	Chai	10; 20; 100; 200ml	Trị không rụng trứng, không động dục	SPC-8
3	Cymex e.c	High cis - Cypermethrin, Dursban-R	Chai	100; 200ml	Diệt côn trùng	SPC-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Hymex w.s.p	High cis - Cypermethrin, Dursban-R	Gói, bao	6; 10; 15; 30; 60g; 10kg	Diệt côn trùng	SPC-10
5	Safari gra	Imidacloprid	Gói, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 10kg	Diệt côn trùng	SPC-11
6	Ovarone Inj	Progesteron	Chai	10; 20; 100; 200ml	Phòng sảy thai, chữa vô sinh,	SPC-12
7	SY-C.M.D Inj	Calcium borogluconate, Magnesium, Dextrose	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh sốt sữa, thiếu calcium ở gia súc, gia cầm	SPC-13

5. Công ty Woosung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Farm Safe	Didecyl Dimethyl ammonium chloride,	Chai, Bình	1; 5; 10; 18; 20 lít	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, lò ấp trứng	WOS-1

6. Công ty Dong Bang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Dinorin	Cloprostenol sodium	Ống	5; 10; 30; 50 ml	Kiểm soát thời gian động dục, rụng trứng và chu kỳ động dục trên trâu, bò. Kích thích đẻ trên heo	DOB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Gonadon	Gonadorelin	Lọ	5; 10; 20; 30; 50ml	Trị u nang buồng trứng, chậm động đực, điều chỉnh thời gian rụng trứng, cải thiện tỷ lệ thụ thai, dùng ở giải đoạn trước khi sinh để khởi đầu chu kỳ hoạt động bình thường của buồng trứng trên trâu, bò	DOB-5

7. Công ty RNL Life Science

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	SNUCOP	Acid Citric, Acid malic, Natridodecyl sunphate, Kẽm sunphate, Natri hecxa metaphotphate	Chai	500 ml	Tiệt trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, nước uống	RNLK-01

8. Công ty Choongang Vaccine Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Poulshot Lasota	Virut Newcastle sống, (chủng Lasota, B_1)	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle của gà	CADL-1
2	Poulshot Lasota + IB	Virut Newcastle sống (chủng Lasota, type B_1); Virut viêm phế quản truyền nhiễm sống (Type Mass, chủng H-120)	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và bệnh viêm phế quản truyền nhiễm của gà	CADL-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Poulshot Gumboro	Virut Gumboro sống (chủng CAG).	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro (viêm túi Bursa) của gà	CADL-3
4	Poulshot B_1 + IB	Virut Newcastle (chủng B_1, Type B_1); Virut viêm phế quản truyền nhiễm của gà (Type Mass, chủng H-120)	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm của gà	CADL-4
5	Poulshot IB	Virut viêm phế quản truyền nhiễm, sống (Type Mass, chủng H-120)	Lọ	1000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm của gà	CADL-5
6	Poulshot laryngo	Virut bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm của gà, sống (chủng IVR-12)	Lọ	1000 liều	Phòng viêm thanh khí quản truyền nhiễm của gà	CADL-6
7	HC-VAC	Virut Dịch tả lợn nhược độc (chủng LOM)	Lọ	10; 20 liều	Phòng Dịch tả lợn	CADL-7
8	PPV-VAC	Virut Parvo của lợn (chủng PVK 1-3) vô hoạt	Lọ	5; 10 liều	Phòng bệnh do Parvovirus lợn	CADL-8
9	SuiShot^R Aujeszky	Inactivated Aujeszky's Disease virus(NYJ-G strain OMP antigen)	Lọ	10 liều	Phòng bệnh Aujeszky trên lợn	CADL-9
10	PoulShort ^{R} NDO	Virus Newcastle vô hoạt chủng Lasota	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	CADL-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	PoulShort [R] Coryza	Haemophilus paragallinarum serotype A, Haemophilus paragallinarum serotype C	Chai	1000 liều	Phòng bệnh sổ mũi truyền nhiễm trên gà	CADL-11
12	PoulShort [R] BNE	Vius IB, EDS, Newcastle	Chai	1000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle, hội chứng giảm đẻ	CADL-12
13	SuiShot Circo One	Virus Circo type 2, vô hoạt	Chai	10; 20; 30; 50; 100ml	Phòng bệnh do Circovirus type 2 (PCV2) trên heo con	CADL-13

9. Công ty Han Poong Industry

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Greencide	Sodium dichlorosocyanur, Adipic acid, Sodium bicarbonate, Sodium carbonate	Hộp	20; 50; 100 viên	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ trong chăn nuôi	HPIK-1

10. Công ty Daesung Microbiological LAB

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Avilac for Drinking Water	Lactobacillus reuteri	Lọ	10; 20; 50ml	Phòng tiêu chảy trên heo con	DAS-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Circo Pig Vac	Virus Circo type 2, vô hoạt	Chai	10ml (10 liều); 30 ml (30 liều); 50ml (50 liều); 100 ml (100 liều)	Phòng bệnh do Circovirus type 2 (PCV2) trên heo	DAS-22
3	Hog Cholera	Virus dịch tả lợn	Chai	20 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	DAS-23

11. Công ty KBNP Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Suigen Donoban-10	B. bronchiseptica, P.multocida(type A, D), A.pleuropneumonia(serotype 2, 5), M. hyopneumoniae, S.suis(type 2), H.para suis(type 1,4 và 5)	Lọ	50ml	Phòng viêm teo mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng thể viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi địa phương, bệnh do streptococcus, bệnh viêm đa khớp truyền nhiễm trên heo	KPN-1

12. Công ty Shinil Biogen Co., Ltd (Korea)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SI Chlor-T	Sodium Dichloroisocyanurate	Viên, Túi	5g; 250; 500g; 1; 5; 10; 50kg	Khử trùng cơ thể vật nuôi, chuồng trại, dụng cụ; khử trùng nước uống	SIL-28

CZECH REPUBLIC

1. Công ty Bochemie CO.,LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Chloramin T	Chloramin T	Túi, Xô, Thùng	1; 6; 25 kg	Thuốc sát trùng, tiêu độc dùng trong thú y	BOCHE-2
2	Chirox	Potassium hydrogen peroxosulphate; Sodium carbonate anhydrous; C12-C15-oxo-alkohol-EO-PO-adduct	Túi hộp, xô	50, 100; 500g; 1; 3; 5; 15; 25; 50 kg	Thuốc sát trùng, tiêu độc dùng trong chăn nuôi, thú y	BOCHE-1
3	Chloramin BS	N-Chlorbenzensulfonamid Sodium (trihydrate)	Túi, bao, thùng	50; 100; 200; 500g; 1; 3; 5; 15; 25; 35; 50kg	Khử trùng, làm sạch bề mặt, thiết bị, dụng cụ	BOCHE-3
4	Apol	Glycollic acid	Chai, can, thùng	1; 5; 15; 50; 220; 1000 kg	Khử trùng núm vú bò sữa, núm vú gia súc	BOCHE-4
5	Apol Activator	Sodium chlorite	Chai, can, thùng	500g; 1; 5; 15; 50; 220; 1000 kg	Khử trùng núm vú bò sữa, núm vú gia súc	BOCHE-5
6	Apol First	Didecyl demethyl ammonium chloride. Alkylbenzyl dimethyl ammonium chloride.N-(3-aminopropyl)-N-đoecylpropane-1,3-diamine	Chai, can, thùng	1; 5; 15; 50; 220; 1000 kg	Khử trùng núm vú bò sữa, núm vú gia súc	BOCHE-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Comfort Fix	Didecyl dimethyl ammonium chloride; Alkylbenzyl dimethyl ammonium chloride; Hydrogen peroxide; Polyhexamethylenbiguanide hydrochloride.	Chai, can, thùng	1; 5; 15; 50; 220; 1000 kg	Khử trùng, điều trị viêm, nhiễm trùng da, thối móng gia súc	BOCHE-7

2. Công ty Bioveta, A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Polypleurosin (inj.ad us.vet.)	Pasteurella multocida (type A; D); Actinobacillus pleuropneumoniae (type 2; 9); Bordetella bronchiseptica	Chai	5, 10, 20, 25, 50, 100, 200ml	Vaccin phòng hội chứng ho thở trên lợn	BVTC-1
2	Rokovac (Inj.ad us.vet.)	Rotavirus suis; -Escherichia coli (O 101: K99; O 147: K88; O 149: K88; K85: 987P)	Chai	5, 10, 20, 25, 50, 100, 200ml	Vaccin phòng hội chứng lợn con phân trắng	BVTC-2
3	Parvoerysin (inj.ad us.vet.)	Parvovirus enteritidis Erysipelothrix rhusiopathiae	Chai	5, 10, 20, 25, 50, 100, 200ml	Phòng bệnh Parvo và bệnh đóng dấu lợn	BVTC-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Parvosin - OL (inj.ad us.vet.)	Parvovirus suis inactivatum	Chai	5, 10, 20, 25, 50, 100, 200ml	Phòng bệnh Parvo virus lợn	BVTC-4
5	Biocan Puppy inj	Kháng nguyên Virus Febris contagiosae canis và Parvovirus enteritidis canis inact	Chai	1; 5; 10; 20; 25; 50; 100ml (1ml/1 liều)	Phòng bệnh sài sốt và bệnh Parvovirus cho chó	BVTC-8
6	Biocan DHPPi	Kháng nguyên Virus Febris, Infectious canine laryngotracheis, parvovirus, parainfluenza virus	Chai	1; 5; 10; 20; 25; 50; 100 ml (1ml/1 liều)	Phòng bệnh sài sốt, bệnh Parvovirus, viêm phổi do Adenovirus và bệnh Cúm cho chó	BVTC-9

INDONESIA

1. Công ty Dwijaya Perkasa Abadi

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Zeolite Powder	SiO_2, Al_2O, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3	Bao	20, 25, 50kg	Dùng xử lý nước	DPAI-1
2	Zeolite Pallet Round	SiO_2, Al_2O, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3	Bao	20, 25, 50kg	Dùng xử lý nước	DPAI-2

2. Công ty P.T. SURYA HYDUP SATWA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bivalent Coryza Vaccine	Kháng nguyên Coryza	Lọ	100; 200; 250; 500 liều 500; 1000 liều	Phòng trị bệnh Coryza ở gia cầm	SHS-01
2	All-cide	Glutaradehyde, Dimethyl coco benzyl; Ammonium chloride	Can	1; 5; 20 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ phương tiện, máy ấp trứng	SHS-02

3. Công ty P.T. MEDION

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Medivac ND Lasota	ND chủng virus La Sota	Lọ	50, 100, 200, 500, 1000, 2000, 3000, 4000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MDI-01
2	Medivac Gumboro B	IBD chủng virus D22	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	MDI-02
3	Medivac Coryza B	Haemophylus paragallinarum W chủng strain và Modesto	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Coryza	MDI-03
4	Medivac Coryza T	Haemophylus paragallinarum W, chủng Spross và Modesto	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Coryza	MDI-04

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Medivac ILT	Vaccin ILT chủng virus A 96	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm	MDI-05
6	Medivac Pox	Fowl Pox virus M-92 strain	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	MDI-06
7	Medivac ND Emulsion	Newcastle virus, chủng Lasota	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MDI-07
8	Medivac ND Hitchner B_1	Vaccin Newcastle chủng Hitchner B_1 strain	Lọ	50, 100, 200, 500, 1000, 2000, 3000, 4000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MDI-08
9	Medivac ND clone 45	Vaccin Newcastle chủng virus Clone 45	Lọ	100, 200, 500, 1000, 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MDI-09
10	Medivac ND-IB	Vaccin Newcastle chủng virus Clone 45 và IB virus H-120 Massachusetts	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và bệnh viêm phế quản truyền nhiễm	MDI-10
11	Medivac Gumboro A	Vaccin IBD chủng virus Cheville (1/68)	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	MDI-11
12	Medivac ND - EDS Emulsion	Vaccin Newcastle chủng La Sota, Adenovirus 127 Mc Ferran	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và hội chứng giảm đẻ	MDI-12
13	Medivac IB H-120	Vaccin IB chủng virus H-120 Massachusetts	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm	MDI-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Medivac IB H-52	Vaccin IB chủng virus H-52 Massachusetts	Lọ	100, 200, 500, 1000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm	MDI-14
15	Formades	Formalin, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	100 ml, 1, 5, 20, 60 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	MDI-42
16	Antisep	Iodine, Potassium iodide	Chai, thùng	60, 120 ml, 1, 5, 20, 60 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	MDI-43
17	Medivac Gumboro Emulsion	Gumboro virus	Chai, lọ	200; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	MDI-47
18	Medivac ND-EDS-IB Emulsion	Newcastle virus lasota strain, Infectious bronchitis virus mass 41 strain, Avian adeno virus 127 Mc Ferran	Chai, lọ	200; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle, hội chứng giảm đẻ và viêm phế quản truyền nhiễm gia cầm	MDI-48
19	Medivac ND-IB-IBD Emulsion	Newcastle virus, Infectious bronchitis virus, Infectious Bursal Disease virus	Chai, lọ	200; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm và bệnh Gumboro ở gia cầm	MDI-49
20	Medisep	Cetyl pyridinium chloride, Cetyl trimethyl chloride, Benzakonium chloride	Chai, thùng	100ml; 1; 5; 20; 60 lít	Thuốc sát trùng dụng cụ, chuồng trại chăn nuôi	MDI-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	Medivac ND-IB Emulsion	Inactivated virus Lasota strain, Inactivated infectious bronchitis virus Massachusetts 41 strain	Chai	250; 500ml	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	MDI-55
22	Medivac AI	Virus cúm, type H5N1	Chai	250; 500ml	Phòng bệnh cúm trên gà do virus cúm A/H_5N_1	MDI-59

4. Công ty PT Buana Inti Sentosa (BIS CHEM)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Zeolite Granular	SiO_3, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3, TiO_2	Bao	10; 20; 25; 50kg	Dùng xử lý nước	BISI-01
2	Zeo One	SiO_3, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3, TiO_2	Bao	20; 25; 50kg	Xử lý, cải tạo, nước, môi trường chăn nuôi, bổ sung chất khoáng	BISI-02
3	Zeotech	SiO_3, Al_2O_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3, TiO_2	Bao	20; 25; 50kg	Xử lý, cải tạo, nước, môi trường chăn nuôi, bổ sung chất khoáng	BISI-03

5. Công ty Anteromas

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Natural Green Zeolite	SiO_3, AlO_3, CaO, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3	Bao	10; 20; 25; 50kg	Dùng xử lý nước	ATRMI-01

6. Công ty PD. Agribisnis Dan Pertambangan

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Zeolite Granular	SiO_3, Al_2O_3, MgO, Na_2O, K_2O, Fe_2O_3	Bao	20; 25kg	Dùng xử lý nước	PDPI-01

7. Công ty Cheil Samsung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	L-Lysine Monohydrolodide	L-Lysine Monohydrolodide	Bao	25kg	Bổ sung Lysine	CSJ-01

8. Công ty PT. Sorini coporation TBK

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Dextrose monohydrate	Dextrose monohydrate	Bao	25kg	Tá dược dùng để sản xuất thuốc thú y	SRI-01

TAIWAN

1. Công ty China Bestar Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron-G100	Iron (Fe^{2+})	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu sắt	CBL-1
2	Bestaquam-S	Didecyl dimethyl amonium bromide	Can	0,5; 1; 5; 20, 25 lít	Thuốc sát trùng dụng cụ chăn nuôi	CBL-2

2. Công ty Formosa Biomedical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bio - LHC	Tissue culture Hog Cholera LPC-PRK virus	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1.000; 2.000 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	FBI-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Bio - L ND	NDV Lasota strain	Lọ	500; 1.000; 2.000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	FBI-2
3	Biofors ND 0.1	Inactivated NDV Ishi strain	Lọ	500; 1.000; 2.000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	FBI-3
4	Biofors ND - IB - EDS	Inactivated ND Sato strain, Inactivated IB 41 strain, Inactivated EDS TS strain	Lọ	500; 1.000; 2.000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm và giảm đẻ trên gà	FBI-4

MALAYSIA

1. Công ty Y.S.P Industries (M) SDN. BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	KISTOCIN Inj	Oxytocin	Lọ	10ml, 50ml	Tăng co bóp tử cung	Taiwan	YSPM-16
2	LOVER Inj	Chorionic gonadotrophin Oestradiol benzoate	Lọ	2ml	Trị chứng không rụng trứng, rối loạn chức năng buồng trứng	Taiwan	YSPM-17
3	ASEPTIC Solution	Povidone-iodine	Chai, thùng	200ml, 0,5L, 1L, 3,8L, 25L	Nhiễm trùng da trước và sau khi phẫu thuật. Tẩy uế chuồng trại	Malaysia	YSPM-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
4	Maxilyte	Sodium chloride, Postassium chloride, Magnesium sulfate, Manganese sulfate, Sodium citrate, Sodium bicarbonate, Glucose anhydrous	Túi, bao	100g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu khoáng chất, cung cấp chất điện giải và vi khoáng chất, giúp tăng khả năng hồi phục và giảm tỷ lệ chết, giảm stress, ngăn ngừa mất nước và tiêu chảy	Malaysia	YSPM-41
5	Y.K.Powder	8-Hydroxyquinoline of copper	Túi, bao	100g; 25kg	Phòng và trị nấm trên gia cầm	Malaysia	YSPM-47

2. Công ty Vaccines And Pharmaceuticals SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	My vac HC(GPE-) Hog Cholera Vaccin	Virus nhược độc dịch tả lợn, chủng GPE-ve	Lọ	10; 20; 50; 100 liều	Phòng dịch tả lợn	Malaysia	MVP-1
2	My vac ND-S Newcastle Disease Vaccin	Virus nhược độc Newcastle, chủng Mukteswar 'S'	Lọ	200; 500; 1.000; 2.000 liều	Phòng Newcastle cho gà từ 6 tuần tuổi	Malaysia	MVP-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
3	My vac ND-F Newcastle Disease Vaccin	Virus nhược độc Newcastle, chủng Asplin 'F'	Lọ	200; 500; 1.000; 2.000 liều	Phòng Newcastle cho gà 1 ngày tuổi	Malaysia	MVP-3
4	My vac Gumboro Plus Vaccin Gumboro V877	Virus nhược độc Gumboro, chủng V877	Lọ	200; 500; 1.000; 2.000 liều	Phòng Gumboro cho gà từ 10 - 14 ngày tuổi	Malaysia	MVP-4
5	My vac Fox Fowl Pox Vaccin	Virus nhược độc đậu gà, chủng Beaudette	Lọ	200; 500; 1.000; 2.000 liều	Phòng đậu gà cho gà 2 tuần tuổi trở lên	Malaysia	MVP-5
6	Myvac NDIB	Virus ND chủng Lasota, Virus IB chủng H120	Lọ	1000liều	Phòng Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm gà	Malaysia	MVP-6
7	Myvac ND Emulsion	Virus ND chủng Lasota	Lọ	100; 200; 500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gia cầm	Malaysia	MVP-7

UNITED STATE OF AMERICA (USA)

1. Công ty Alltechnology Center INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	De-Odorase Liquid		Chai Can Thùng	10; 20; 100; 500ml; 1 lít 1; 2,5; 5; 10; 20; 25 lít 100; 200 lít	Khử mùi amoniac, hạn chế ô nhiễm trong môi trường không khí và nước	ABC-9

2. Công ty NHBT International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Nutri-Mix Pak	SiO_2, Al_2O_3	Gói, bao	1; 20; 22,5; 25kg	Xử lý, cải tạo, nước, môi trường chăn nuôi	NHBT-1

3. Công ty International Nutrition

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Multiferm 40	Dried extracted streptomyces Fermentation soluble	Bao, xô, gói	500gr, 1,10kg, 25 ; 50, 200kg	Kích thích thèm ăn, cải thiện chức năng tiêu hóa	IN-1
2	Microferm II	Dried extracted streptomyces, Dried bacillus subtillis, Dried aspergillus oryzae, Dried lactobacillus, Acidophillus fermen	Bao, xô, gói	500gr, 1kg, 10kg, 25kg, 50kg, 200kg	Hỗn hợp cấy men vi sinh. Kích thích khẩu vị, tăng tính thèm ăn, tăng quá trình chuyển hóa thức ăn	IN-2
3	Microferm	Dried extracted streptomyces, Dried bacillus subtillis, Dried aspergillus oryzae, Dried lactobacillus, Acidophillus fermen, Vit B_{12}	Bao, xô, gói	500gr, 1kg, 10kg, 25kg, 50kg, 200kg	Hỗn hợp cấy men vi sinh, kích thích khẩu vị, tăng tính thèm ăn, tăng quá trình chuyển hóa thức ăn	IN-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Swine Trace Mineral	Iron, Zinc, Manganese, Copper, Cobalt, Iodine, Selenium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Bổ sung các vi khoáng thiết yếu	IN-9
5	Spectralyte Plus	Dried Lactobacillus acidophillus, Dried Lactobacillus lactis, Dried Streptococcus faecium, Dried Lactobacillus plantarum, Dried Bacillus subtilis, Dried Aspergillus oryzae, Active dry yeast, Vitamin E, Zinc, Potassium, Sodium	Bao, xô, gói, thùng	100gr, 1kg, 5kg, 10kg, 25kg	Điều trị và ngăn ngừa các bệnh đường ruột. Ổn định và cân bằng các biến dưỡng cơ thể	IN-10
6	Poultry Trace Mineral	Fe, Zn, Mn, Cu, Iodine, Selenium	Bao, xô, gói	1, 5, 10, 25kg	Bổ sung các vi khoáng thiết yếu	IN-17
7	Coli-Curb 1200	Bacillus Subtillis, Aspergillus oryzae, Ferrous sulfate, Zinc Sulfate, Mn	Bao, xô	1, 5, 20lb	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở thú non	IN-22
8	Zinc Proteinate 15%	Zn Proteinate	Bao, xô	1, 5, 10, 25kg	Bổ sung kẽm dạng hữu cơ	IN-35
9	Fly curb	Tetrachlorvinphos	Gói, bao, xô	100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Diệt ruồi trong trại chăn nuôi	IN-44
10	Insect free	Tetrachlorvinphos	Gói, xô	1; 10kg	Kiểm soát côn trùng trong trại chăn nuôi	IN-45

4. Công ty Fort Dodge Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Poxin	Chứa virus đậu sống	Lọ	500, 1000 liều	Phòng bệnh đậu gà ở gia cầm	Mỹ, Brazil	SAH-1
2	MD Vac Lyo CFL	Herpesvirus sống	Lọ	1000 liều	Phòng viêm đa dây thần kinh ở gia cầm	Mỹ, Brazil	SAH-2
3	Newcastle K (New-Vac K)	Virus Newcastle chết	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	Mỹ, Brazil	SAH-3
4	Newcastle Lasota + Bron Mass	Virus Newcastle sống - Lasota; Virus Bronchitis sống - Massachusset	Lọ	1000 liều	Phòng Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm ở gia cầm	Mỹ	SAH-4
5	Bursine K	Virus Gumboro chết	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	Mỹ	SAH-5
6	Bursine 2	Virus Gumboro	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	Mỹ	SAH-6
7	Newcastle B_1+ Bron Conn	Virus Newcastle-B_1 Virus Bronchitis-	Lọ	1000 liều	Phòng Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm ở gia cầm	Mỹ	SAH-7
8	Suvaxyn PrV (Aujeszky vaccine)	Pseudorabies	Lọ	25; 100 liều	Phòng giả dại	Mỹ	SAH-8
9	Vitamin&Electro lyte	Các Vitamin + Khoáng	Gói	227g	Cung cấp khoáng và vitamin	Mỹ	SAH-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
10	Rabvac 3 TM	Virus dại	Lọ	1; 10 liều	Phòng bệnh dại	Mỹ	SAH-10
11	Duramune DA_2L	Virus Distemper sống Adenovirus sống, Leptospira	Lọ	1; 10 liều	Phòng Care, Lepto, Adenovirus	Mỹ	SAH-11
12	Duramune Max 5/4L	Virus Distemper, Adenovirus, Parvovirus sống, Leptospira	Lọ	1 liều 10 liều	Phòng Care, Leptospira, Adenovirus, Parvovirus gây ra	Mỹ	SAH-12
13	Bursine N-K TM	Virus Gumboro, Newcastle	Lọ	500; 1000 liều	Phòng Gumboro, Newcastle	Mỹ	SAH-13
14	New Bronz TM	Virus Newcastle chết Virus Bronchitis chết	Lọ	500 1000 liều	Phòng dịch tả ở gia cầm giai đoạn gà con	Mỹ	SAH-14
15	Laryngo Vac TM	Virus sống Laryngotracheitis	Lọ	1000 liều	Phòng viêm thanh khí quản truyền nhiễm trên gia cầm	Mỹ	SAH-15
16	Bursine Plus	Virus Gumboro	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	Mỹ	SAH-16
17	Suvaxyn RespiFend MH	Khuẩn Mycoplasma Hyopneumonia vô hoạt	Lọ	10; 50 liều	Phòng viêm phổi địa phương trên heo	Mỹ	SAH-17
18	Pest-Vac	Pestivirus sống	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng dịch tả heo	Brazil	SAH-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
19	Poulvac Coryza ABC IC_3	Haemophilus paragallinarum	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Coryza	Mỹ, Brazil	FDA-3
20	Newcastle Disease B_1 Type, B_1 Strain	Virus Newcastle sống	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	Mỹ	FDA-4
21	Newcastle B_1 Type, Lasota Strain	Virus Newcastle sống	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	Mỹ, Brazil	FDA-5
22	Bursal Disease-Newcastle Disease Bronchitis Vaccine (Provac- 3)	Virus Newcastle, Bursal, Bronchitis chết	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm	Mỹ	FDA-6
23	Mycoplasma gallisepticum bacterin (MG-Bac)	Mycoplasma gallisepticum bacterin	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh do Mycoplasma gallisepticum bacterin gây ra	Mỹ	FDA-7
24	Avian Reovirus Vaccine (Tri-Reo)	Reovirus	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm khớp	Mỹ	FDA-8
25	Suvaxyn Aujeszky NIA_3- 783	Dòng virus Aujeszky NIA_3-783	Lọ	10; 50 liều	Phòng bệnh giả dại	Hà Lan	FDA-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
26	Tenosynovitis Vaccine (V.A-Vac)	Reo virus sống	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Reo	Mỹ	FDA-10
27	Bursal Disease - Newcastle Disease-Bronchitis-Reovirus vaccine (Provac -4)	Virus Newcastle, Bursal, Bronchitis và Reovirus chết	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro và bệnh dịch tả, viêm phế quản truyền nhiễm ở gia cầm	Mỹ	FDA-11
28	EDS - New vaccine	Virus Newcastle và E.D.S	Chai	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và hội chứng giảm đẻ	Brazil	FDA-12
29	Suvaxyn MH-One	Kháng nguyên Mycoplasma Hyopneumoniae, chủng P-5722-3	Lọ	30ml (10 liều); 120ml (50 liều); 250ml (125 liều); 500ml (250 liều);	Phòng bệnh đường hô hấp do Mycoplasma Hyopneumoniae gây ra trên heo	Mỹ	SAH-19
30	Chick i N-K Newcastle Disease	Kháng nguyên virus gây bệnh Newcastle vô hoạt	Lọ	250ml (2500 liều); 500ml (5000 liều)	Phòng bệnh Newcastle type B_1, chủng Lasota gây ra trên gà	Brazil	FDA-14
31	Poulvac EDS New Bronz Vaccine	Kháng nguyên virus: Egg drop, chủng AD 127;	Lọ	250ml (500 liều); 500ml (1000 liều)	Phòng hội chứng suy giảm đẻ trứng, bệnh Newcastle, viêm phế	Brazil	FDA-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
		Newcastle, type B_1, chủng Lasota ND; virus viêm phế quản truyền nhiễm chủng H120			quản truyền nhiễm trên gà		
32	Poulvac flufend I-AI H5N3 RG	Vi rút cúm gia cầm tái tổ hợp H5N3, chủng rg-A/ck/VN/C58/04	Lọ	500ml	Phòng bệnh cúm gia cầm do vi rút subtype H5 chủng rg-A/ck/VN/C58/04 trên gà, gà tây, vịt	Mỹ	FDA-17
33	Poulvac Bursa F VB 77	Virus Gumboro	Lọ	500; 1.000; 2.000; 5.000; 10.000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	Brazil	FDA-19
34	Poulvac Pabac IV	Pasteurella multocida type 1, 3, 4 &3 x 4	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng gà	Mỹ	FDA-21
35	Suvaxyn PCV2 one Dose	Porcine Circovirus-type 1, 2 chimera	Lọ	10; 50; 250; 500 liều (25; 120; 500; 1000ml)	Phòng bệnh do Circovirus type 2 (PCV2) cho heo $\geq$ 4 tuần tuổi	Mỹ	FDA-22
36	Poulvac Mix 6	Virus Newcastle (chủng Lasota); virus IB (chủng H-120); Virus EDS	Lọ	500ml (1.000 liều)	Phòng bệnh Newcastle, viêm khí quản truyền nhiễm (IB), hội chứng giảm đẻ, bệnh Coryza	Brazil	FDA-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
		(chủng AD 127); H. paragallinarum (chủng M và chủng 221)					
37	Suvaxyn®P	PorcineParvovirus, Killed virus	Lọ	20; 100ml	Phòng bệnh do Porcine Parvovirus gây ra trên lợn	Brazil	FDA-24
38	V.A Chick VAC	Tenosynovitis virus	Chai	1000 liều	Phòng bệnh viêm khớp do Avian Reovirus trên gia cầm	USA	FDA-25

5. Công ty Lohmann Animal Health Int

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Newcastle Bronchitis vaccine, B_1 Type	Virus Newcastle và Infectious bronchitis	Lọ	1000, 2000, 2500, 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản ở gà	VL-1
2	Fowl Pox vaccine	Virus sống, có nguồn gốc phôi gà	Lọ	500; 1000 liều	Vaccine phòng bệnh đậu ở gia cầm	VL-2
3	Avian encephalo-myclitis Fowl vaccine	Virus sống, có nguồn gốc phôi gà	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh viêm não tủy và đậu gà ở gia cầm	VL-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	Fowl Laryngo - trachetis Modified	Virus sống, có nguồn gốc phôi gà	Lọ	1000; 2000, 2500, 5000 liều	Vaccine phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm	VL-4
5	Bursal Disease Newcastle Brochitis Reovirus vaccine	Virus IBD, Newcastle, Reovirus và Infectious bronchitis	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản, viêm khớp - chống còi cọc	VL-5
6	Bursal Disease vaccine	Virus IBD, nguồn gốc phôi gà	Lọ	1000; 2500, liều	Vaccine phòng Gumboro ở gia cầm	VL-6
7	Bursal Disease vaccine	Virus IBD, nguồn gốc phôi gà	Lọ	1000; 2000, 2500 liều	Phòng bệnh Gumboro	VL-7
8	Newcastle Disease vaccine	Virus Newcastle	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả gà	VL-8
9	Bursal - Newcastle Disease vaccine	Virus vô hoạt	Lọ	500; 1000 liều	Phòng Gumboro, dịch tả	VL-9
10	Marek’s disease vaccine	Virus sống	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng viêm đa dây thần kinh	VL-10
11	Haemophilus para-galinarum bacterin	Vi khuẩn Haemophilus paragallinarum	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh sổ mũi truyền nhiễm ở gia cầm	VL-11
12	Avian Reo Bursal Disease vaccine	Virus IBD, Reovirus	Lọ	500; 1000 liều	Phòng viêm khớp - còi cọc và bệnh Gumboro	VL-12
13	Avian Reovirus	Virus Reovirus	Lọ	500; 1000 liều	Phòng viêm khớp gia cầm	VL-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Pasteurella multocida baterin	Vi khuẩn pasteurella multocida	Lọ	1000 liều	Phòng Tụ huyết trùng ở gia cầm	VL-14
15	Tenosynovitis vaccine	Reovirus	Lọ	1000; 2000, 2500 liều	Phòng viêm khớp ở gia cầm	VL-15
16	Mycoplasma gallisepticum	Mycoplasma gallisepticum	Lọ	1000 liều	Phòng C.R.D ở gia cầm	VL-16
17	Pasteurella multocida vaccine	Vi khuẩn pasteurella multocida	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Tụ huyết trùng ở gia cầm	VL-17
18	Newcastle Disease vaccine	Virus Newcstle	Lọ	1000, 2000, 2500 liều	Phòng Newcstle ở gia cầm	VL-18

6. Công ty EMBREX, INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bursaplex TM (Bursal disease vaccine-Live vaccine)	Bursal disease vaccine-Live virus	Lọ	1000; 8000 liều	Phòng bệnh Gumboro	EMB-1

7. Công ty PFIZER

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Respisure	M.Hyopneumonia bacterin	Lọ	10 ds (20ml) 50 ds (100ml) 250 ds (500ml)	Phòng viêm phổi địa phương truyền nhiễm trên heo	USA	PFU-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
2	Farrowsure B	Erysipelas, Parvovirus, L.canicola, L. grippotyphosa, L.gardio L. icteohaemorrhagiae, L. pomona bacterin, L.bratislava	Lọ	10 ds (50ml) 50 ds (250ml)	Phòng bệnh đóng dấu, Parvovirus, 6 chủng Lepto	USA	PFU-2
3	Brativac-6	L. icteohaemorrhagiae, L. pomona bacterin, L.bratislava, L.canicola, L. grippotyphosa, L.hardio	Lọ	10 ds (20ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh Lepto	USA	PFU-3
4	PR-Vac Plus	Pseudorabies MLV; Amphigen	Lọ	10 ds (20ml) 25 ds (50ml)	Phòng giả dại ở heo	USA	PFU-4
5	LitterGuard LT-C	E.coli, Clostridium perfringen + LT-Toxoid	Lọ	1ds (2ml); 10 ds (20ml) 50 ds (100ml)	Phòng tiêu chảy do E.coli, độc tố E.coli và độc tố do Clostridium perfingen	USA	PFU-5
6	Biocid 30	Iodine	Chai	100, 500 ml 1, 2, 4, 5, 25 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	Anh	PFU-14
7	Respisure-One ™	Mycoplasma pneumonia Bacterin	Lọ	10 ds (20 ml) 50 ds (100 ml)	Phòng viêm phổi truyền nhiễm trên heo	USA	PFU-19
8	VanGuard Plus 5	Distemper, Parvovirus, ParaInfluenza, Adenovirus type 2	Chai	1 ds (1ml)	Phòng care, viêm ruột do Parvovirus, hô hấp type 2	USA	PFU-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
9	Vanguard Plus 5/L	Distemper, Parvovirus, ParaInfluenza, Adenovirus type 2, Leptospira	Chai	1 ds (1ml)	Phòng care, Parainfluenza, Parvovirus, bệnh Lepto	USA	PFU-23
10	Vanguard Plus CPV	Canie Parvovirus	Chai	1 ds (1ml)	Phòng bệnh Parvovirus	USA	PFU-24
11	Vanguard Plus 5/CV-L	Distemper, Parvovirus, ParaInfluenza, Adenovirus type 2 Leptospirosis, Coronavirus	Chai	1 ds (1ml)	Phòng care, Para-ifluenza, Parvovirus, Lepto, viêm ruột do Coronavirus	USA	PFU-25
12	Aradicator	Bordertella brochiseptica; Pasteurella multocida	Chai	1; 10 ds (20ml) 25 ds (50ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh THT và viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo	USA	PFU-29
13	Leptoferm 5	L.canicola, L.pomona, L. pripotiphosa, L.hardjo, L. icerohaemorrhagiae	Chai	10 ds (20ml) 25 ds (50ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh Lepto ở heo và bò	USA	PFU-30
14	Farrowsure-PRV	Erysipelas, Parvovirus, L.canicola, L. grippotyphosa, L.hardio, L.icteohaemorrhagiae, L. pomona , L.bratislava, Pseudorabies virus	Chai	10 ds (50ml) 50 ds (250ml)	Phòng bệnh do Parvo virus, đóng dấu, giả dại và Lepto trên heo nái	USA	PFU-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
15	CattleMaster 4+L5	Bovine rhinotracheitis virus, Parainfluenza, L.canicola; L.pomona; L.grippotyphosa; L.harjio; L.icterohae morrhagiae, Bovine virus diarrhea, Respiratory Syncytical virus	Chai	5 ds (25ml) 10 ds (50ml) 25 ds (125ml) 50 ds (250ml)	Phòng viêm mũi, viêm khí quản truyền nhiễm Rhinotracheitis, tiêu chảy do virus IBR, bệnh virus Parainfluenza Pl3; bệnh virus hợp bào đường hô hấp (BRSV) và 5 chủng Lepto trên bò	USA	PFU-32
16	OneShot	Pasteurella haemolityca	Chai	5 ds (10ml) 10 ds (20ml)	Phòng tụ huyết trùng trên bò	USA	PFU-33
17	Defensor 1	Rabies vaccin, killed virus	Chai	1 ds (1ml)	Phòng bệnh dại ở chó	USA	PFU-34
18	Defensor 3	Rabies vaccin, killed virus	Chai	1 ds (1ml)	Phòng bệnh dại ở chó	USA	PFU-35
19	PR-Vac MLV	Pseudorabies MLV	Chai	10 ds (20ml) 25 ds (50ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh giả dại	USA	PFU-44
20	PR-Vac Killed	Pseudorabies inactivated	Chai	10 ds (20ml) 25 ds (50ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh giả dại	USA	PFU-45
21	Cough-Guard B	Bordertella bronchiseptica	Chai	1 ds (1ml)	Phòng bệnh ho cũi chó	USA	PFU-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
22	Vanguard 5/B	Canine adenovirus type 2, Parainfluenza virus, Canine parvo-virus, Bordetella bronchiseptica, Cannie Distemper	Chai	1ds (1ml)	Phòng Parainfluenza, viêm ruột do Parvovirus, Bordetella	USA	PFU-48
23	LitterGuard LT	E.coli bacterin, Toxoid	Chai	10 ds (20ml) 50 ds (100ml)	Phòng bệnh tiêu chảy do vi khuẩn E.coli	USA	PFU-50
24	Farrowsure Plus B	Erysipelas, Parvovirus, L.canicola, L. grippotyphosa, L.hardio, L. icteohaemorrhagiae, L. pomona bacterin, L.bratislava Amphigen	Chai	10 ds (50ml) 50 ds (250ml) 100 ds (500ml)	Phòng bệnh đóng dấu, Parvovirus, 6 chủng Lepto	USA	PFU-51
25	Scourguard 3K/C	Rotavirus, E.coli chủng K99, Coronavirus, Clostridium perfringen chủng C	Chai	1; 10; 50liều	Phòng Rotavirus, Corona-virus, E.coli chủng K99, Clo.perfringen chủng C	USA	PFU-53
26	Lutalyse	Dinoprost tromethamine	Ống	5; 10; 30ml	Kích dục tố, loại trừ sản dịch	Thái Lan, T. Quốc, Bỉ. Brazil, USA	PFU-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
27	Raksharab	Kháng nguyên vi rút Dại vô hoạt	Lọ	1ml; 5ml; 10ml (1ml/1liều)	Phòng bệnh dại cho chó	INDIA	PFU-60
28	Cholera vac®	Kháng nguyên vi rút dịch tả lợn	Lọ	10; 20; 50ml (1ml/1liều)	Phòng bệnh dịch tả lợn	Croatia	PFU-61
29	Pestikal	Virus Newcastle vô hoạt, chủng Lasota	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle ở gà	Croatia	VAHC-1
30	Gumpeskal+IB+EDS	Kháng nguyên virus Gumboro chủng, Winterfield 2512; Newcastle chủng Lasota; viêm phế quản truyền nhiễm (IBV)chủng Massachussets 41; Hội chứng giảm đẻ (EDS) chủng EDS/RS	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm (IBV) và hội chứng giảm đẻ (EDS) ở gà	Croatia	VAHC-2
31	Pestikal+EDS+IB	Kháng nguyên virus Newcastle chủng Lasota; viêm phế quản truyền nhiễm (IBV) chủng Massachussets 41; Virus gây hội chứng giảm đẻ (EDS) chủng EDS/RS	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm (IBV) và hội chứng giảm đẻ (EDS) ở gà	Croatia	VAHC-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
32	Gumbokal	Kháng nguyên virus Gumboro vô hoạt, chủng Winterfield 2512	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Gumboro ở gà	Croatia	VAHC-4
33	Gumpeskal+ IB	Kháng nguyên virus Gumboro chủng Winterfield 2512; Newcastle chủng Lasota; Viêm phế quản truyền nhiễm (IBV) chủng Massachussets 41	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng bệnh Gumboro, Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm (IBV) ở gà	Croatia	VAHC-5
34	Bodikal® SPF	Kháng nguyên VR đậu nhược độc	Lọ	500ml (1000 liều)	Phòng đậu gà	Croatia	PFU-67
35	Bronhopest® SPF	Kháng nguyên Newcastle chủng Lasota, kháng nguyên IB chủng H-120	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng Newcastle và viêm thanh khí quản truyền nhiễm	Croatia	PFU-68
36	Bronhikal® SPF	Kháng nguyên vi rút viêm phế quản truyền nhiễm nhược độc, chủng H-5	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng viêm phế quản TN cho gà mái đẻ	Croatia	PFU-69
37	Fam-30	Iodine, Sulfủic acid, Phosphoric acid, Hydrocid acid, Sodium sulphate, 8EO	Chai, thùng	1; 5; 25; 250l	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi, thú y	Anh	PFU-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
38	Vanoquat	Benzalkonium chloride, 7EO, Dimethylammonium chloride, Trisodium nitrilotriacetate, Ethylen diamin tetraacetic, Diaminpropan	Chai, thùng	1; 5; 25; 210 lít	Thuốc sát trùng dùng trong chăn, nuôi, thú y và công nghệ chế biến thực phẩm	Anh	PFU-71
39	POSI-FMD (trivalent)	Kháng nguyên FMD chủng O1, A, Asian 1	Chai	30; 100; 200ml	Phòng lở mồm long móng trên trâu, bò, bê, lợn, cừu, dê	Ấn Độ	PFU-75
40	POSI - FMD (Monovalent)	Kháng nguyên FMD chủng O1 Manisa	Chai	30; 100; 200ml	Phòng lở mồm long móng trên trâu, bò, bê, lợn, cừu, dê	Ấn Độ	PFU-76

8. Công ty Y Schering-plough Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Newcastle B_1	Virus Newcastle	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MKV-1
2	Bursa- Vac	Virus Gumboro	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro	MKV-2
3	AE+POX	Fowl pox vaccine (AE + POX)	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh đậu gà	MKV-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Polybron-B_1	B_1 type, lasota strain Massachusetts and Connecticut types (Polybron B_1)	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản	MKV-4
5	Polybron-N63	B_1 typ, Lasota strain-Mass and Conn types (Polybron-N 63)	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản	MKV-5
6	Coccivac D	Coccidiosis vaccine	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh cầu trùng	MKV-6
7	Broiler	B_1 type Lasota strain, massachusets type (Broilebron H-N - 79)	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản	MKV-7
8	Newcastle disease vaccine	Castle - vac-K	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MKV-8
9	Broilertrake-M	Fowl - Laryngotrachetis vaccine	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh	MKV-9
10	Fowl Pox vaccine	AVA - POX - CE	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh đậu gà	MKV-10
11	Newcastle N 63	B_1 typeLasota strain (Newcastle N 63)	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MKV-11
12	Newcastle N 79	B_1 type Lasota strain N 79	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle	MKV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Bursa-Vac 3	Virus Gumboro	Lọ	500; 1000; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro	MKV-13
14	M+Pac	Mycoplasma hyopneumoniae bacterin	Chai	10; 50; 100; 250; 500 liều	Phòng bệnh viêm phổi lợn	MKV-14
15	Planate injection	Cloprostenol	Chai	10; 20;50ml	Kích thích sinh đẻ trên heo	MKV-18
16	Myco-Pac®	Mycoplasma hyopneumonia	Lọ	10; 50; 100; 250ml	Phòng viêm phổi do M. hyopneumonia trên heo	MKV-19
17	PRV/ Marker Gold®	Virus giả dại nhược độc dòng S-PRV-155	Lọ	20; 50; 100; 200ml	Phòng bệnh giả dại trên heo	MKV-20
18	LT-I Vax	Virus viêm thanh khí quản truyền nhiễm.	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm trên gà	MKV-22
19	F Vax-MG	Mycoplasma gallisepticum	Chai	1000; 2500; 5000; 10.000 liều	Phòng bệnh Mycoplasma trên gà	MKV-23

9. Công ty AMECO-BIOS

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	EZF-150PS	Natural Yucca Schidigera	Bao, Thùng	1; 5; 25kg	Kiểm soát mùi hôi và khí amoniac từ chất thải hữu cơ	ABU-01
2	EZF-150PT	Natural Yucca 3Schidigera	Bao, Thùng	1; 5; 25kg	Kiểm soát mùi hôi và khí amoniac từ chất thải hữu cơ	ABU-02
3	EZF-300PW	Natural Yucca Schidigera	Bao, Thùng	1; 5; 25kg	Kiểm soát mùi hôi và khí amoniac từ chất thải hữu cơ	ABU-03

10. Công ty Berghausen (CORP)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bio-Yucca 30 spray dry powder	Yucca Schidigera tự nhiên	Gói, bao thùng	100g; 1kg; 5; 10; 25kg; 50; 200 LBS	Khử mùi, cải tạo, xử lý môi trường	BHSU-1
2	Bio-Yucca liquid 50	Yucca Schidigera tự nhiên	Gói, bao thùng	100g; 1kg; 5; 10; 25kg; 50; 200 LBS	Khử mùi, cải tạo, xử lý môi trường	BHSU-2
3	Quillaja /Yucca Blend	Yucca Schidigera tự nhiên	Chai Can	100ml; 1 lít; 5; 10; 30; 50 lít; 5; 50 Gallon	Khử mùi, cải tạo, xử lý môi trường	BHSU-3

11. Công ty DOW Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ucarsan Sanitizer 420	Glutaradehyde	Gói, phi, thùng	1; 5; 19,522; 213,38kg	Sát trùng chuồng trại	DCC-1

12. Công ty Agripharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Anem - X - 100	Dextran Fe	Chai	100ml	Bổ sung sắt	RXV-5
2	CMPK	Calci phospho, Potas	Chai	500ml	Bổ sung calci, phospho	RXV-6
3	Calcium Gluconate	Calcium gluconate	Chai	500ml	Bổ sung calci	RXV-7

NEW ZEALAND

1. Công ty Bomac Laboratories

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Prolongal ADE	Iron Dextran, Vit A, D, E	Chai	100ml, 200ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu A, D, E ở heo con	BLL-1
2	Feron 10	Iron Dextran	Chai	100ml, 200ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu A, D, E ở heo con	BLL-2
3	Satongal	Iron (Fe_3+)	Chai	20; 50; 100; 200ml;	Bổ sung sắt	BLL-7
4	Feron 10 + B_{12}	Iron Dextran, B_{12}	Lọ	100, 200ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu ADE ở heo con	BLL-9
5	Dermaleen	2- bromo-2-nitropropane-1,3-diol Dichlorobenzyl alchohol, Biosulphur fluid, Sedaphant richter	Chai, can	250ml; 2 lít	Nước tắm thảo dược trị bệnh ngoài da cho chó	BLL-10

JAPAN

1. Công ty Kitasato Institute

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Live Hog Cholera Vaccine	Live Hog Cholera virus	Lọ	20; 50liều	Phòng dịch tả lợn	KTS-1

2. Công ty Scientific Feed Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Amitetu	Iron peptide	Bao	25kg	Bổ sung sắt cho vật nuôi	SS-1
2	Pacoma	Mono, BLS (Trimethylammolumme thylene cchloride))-alkyl toluene	Thùng	1; 18, 180 lít	Sát trùng chuồng trại	SS-2
3	Pacoma 200	Mono, BLS (Trimethylammolumme thylene cchloride))-alkyl toluene	Thùng	1; 18, 180 lít	Sát trùng chuồng trại	SS-3

3. Công ty Nissan Chemical Industries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Crente	Sodiumdichloroi-socyanurat	Gói Bao, thùng	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10 kg; 40kg	Sát trùng chuồng trại	NCIJ-1

4. Công ty Kyoritsu Seiyaku Corporation

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Swivac C	Virus dịch tả lợn nhược độc (GPE chủng)	Chai	20ml	Phòng dịch tả lợn	KSC-1

FRANCE

1. Công ty Merial (Rhône Merlieux-Rhône Poulenc)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
1	Aviffa RTI	Virút RTI-SIGT (chủng VCO_3 cải tiến)	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng viêm mũi, viêm khí quản truyền nhiễm ở gà tây và hội chứng sưng phù đầu ở gà mái tơ	Pháp	MRA-1
2	Gallimune 302 ND+IB+EDS	Vi-rút viêm phế quản, Niu-cát-xơn vô hoạt; vi-rút hội chứng giảm đẻ chủng 127 vô hoạt	Lọ	500; 10000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, bệnh Niu-cát-xơn và hội chứng giảm đẻ ở gà	Italy	MRA-5
3	Bioral H120	Vi-rút viêm phế quản truyền nhiễm chủng H120 nhược độc	Lọ	1000; 5000; 15000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm chủng H120 ở gà	Pháp	MRA-7
4	Bipestos	Vi rút Niu-cát-xơn nhược độc; viêm phế quản truyền nhiễm	Lọ	1000; 5000 liều	Phòng Niu-cát-xơn, viêm phế quản truyền nhiễm ở gà	Pháp	MRA-8
5	Bur 706	Virút gây bệnh gumboro nhược độc, chủng S706	Lọ	1000; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro ở gà	Pháp	MRA-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
6	Gallimune 204 ND+IBD	Vi-rút gây bệnh Niu-cát-xơn và Gumboro vô hoạt	Lọ	500; 1000 liều	Phòng Niu-Cát-xơn và Gumboro ở gà	Italy	MRA-10
7	Gumboriffa	Vi-rút gây bệnh gumboro vô hoạt chủng VNJO	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Gumboro ở gà	Pháp	MRA-12
8	Haemovax	Heamophilus paragallinarum typ A, typ C	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh sổ mũi truyền nhiễm	Pháp	MRA-13
9	Hepatovax	Vi-rút gây bệnh viêm gan chủng E 52	Lọ	100; 500 liều	Phòng bệnh viêm gan siêu vi ở vịt	Pháp	MRA-14
10	Marek's disease vaccine, Serotype 3 live virus	Chủng HVT FC 126	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh Marek ở gà	Mỹ	MRA-15
11	Myelovax	Vi-rút Calnek chủng 1143	Lọ	1000 liều	Phòng viêm não tủy truyền nhiễm	Pháp	MRA-16
12	Newvaxidrop	Vi-rút gây hội chứng giảm đẻ, Niu-cát-xơn vô hoạt	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Niu-Cát-Xơn, hội chứng giảm đẻ ở gà	Pháp	MRA-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
13	Aftopor	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039})	Chai	25 liều/ 50ml; 50liều/100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, lợn	Anh Pháp	MRA-19
14	Geskypur	Dung dịch glycoproteine (gII, gIII)	Lọ	1; 10; 50 liều	Phòng bệnh giả dại ở heo	Pháp	MRA-20
15	Neocolipor	Chủng F4, F5, F6, F41	Lọ	5; 10; 25 liều	Phòng tiêu chảy do E.coli ở heo	Pháp	MRA-23
16	Parvovax	Vi-rút vô hoạt	Lọ	5; 25 liều	Phòng bệnh do parvovirus ở heo	Pháp	MRA-24
17	Parvoruvax	Vi-rút parvo và vi-rút erysipelothrix týp 2	Lọ	5; 25 liều	Phòng bệnh do parvovirus và đóng dấu son	Pháp	MRA-25
18	Eurican CHPL	Vi-rút carrê, parvo, adeno nhược độc; vi khuẩn L. canicola, L. icterohaemorragiae vô hoạt	Lọ	1; 10 bl; 100 liều	Phòng carré, bệnh do Adenovirus do parvovirus, do leptospira	Pháp	MRA-27
19	Eurican CHPLR	Vi-rút carrê, parvo, adeno nhược độc; vi khuẩn L. canicola, L. icterohaemorragiae vô hoạt; virút dại vô hoạt	Lọ	1; 10 b; 100 liều	Phòng carré, bệnh do parvovirus, do Adenovirus, do leptosira và bệnh dại	Pháp	MRA-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
20	Leucorifelin	Vi-rút giảm bạch cầu, sống cải tiến, nhược độc chủng PLI-IV. Kháng nguyên calici vi-rút thuần khiết. virút herps nhược độc	Lọ	1; 10; 50 liều	Phòng bệnh giảm bạch cầu và sổ mũi do herpes virút và calici virút ở mèo	Pháp	MRA-30
21	Rabisin	Virus dại vô hoạt	Lọ	1; 100; 1000 liều	Phòng bệnh dại	Pháp	MRA-31
22	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai (50 liều)	100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Anh Pháp	MRA-32
23	Miloxan	Giải độc tố vi khuẩn Clostridium perfringens typ A, C, D Cl. septicum; Cl. novyi; Cl.Tetani	Chai	4ml; 50ml; 250ml	Phòng bệnh nhiễm do vi khuẩn yếm khí ở bò, cừu, dê	Pháp	MRA-33
24	Rhiniffa T	Vi khuẩn Bordetella bronchiseptica vô hoạt	Chai	2; 10 ml	Phòng bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo	Pháp	MRA-35
25	Diftosec CT	Vi-rút đậu gà, chủng DCEP25	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh đậu gà và gà tây	Pháp	MRA-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
26	Gallimune 407 ND+ IB+ EDS+ ART	vi-rút viêm phế quản, hội chúng giảm đẻ, Niu-cát-xơn, song phù đầu vô hoạt	Chai	500; 1000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm, dịch tả, hội chứng giảm đẻ và hội chứng sưng đầu ở gà	Ý	MRA-37
27	Palmivax	Vi-rút Derrzy nhược độc, chủng Hoekstra	Lọ	30; 150 ml	Phòng bệnh Derzsy ở vịt, ngỗng	Pháp	MRA-38
28	Cryomarex HVT	Vi-rút nhược độc đông khô, chủng HVT FC 126 gà	Lọ	1000 liều (+ lọ nước pha 200ml)	Phòng bệnh Marek	Pháp	MRA-39
29	Marek' s disease vaccine, Serotype 1 Live virus	Vi-rút nhược độc đông khô, chủng Rispen	Lọ	1000 liều (+ lọ nước pha 200ml)	Phòng bệnh Marek ở gà	Pháp	MRA-39
30	Cryomarex Rispens+HVT	Vi-rút nhược độc đông khô chủng Rispen, HVT + FC126	Lọ	1000 liều (+ lọ nước pha 200ml)	Phòng bệnh marek	Pháp	MRA-39
31	Cofacalcium	Calcium gluconate	Bình	250; 500 ml	Phòng, trị thiếu can-xi và magnê	Pháp	MRA-92
32	Vetophos	Ca, Cu, Fe, Mg, Mn, P, Zn	Bình	1; 5 L; 200L	Bổ sung khoáng cho gia súc gia cầm	Pháp	MRA-96
33	Ferro 2000	Fe^{3+}	Chai	100 ml	Phòng chứng thiếu máu trên heo con	Pháp	MRA-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
34	Vaxiduk	Vi-rút dịch tả chủng Jansen	Lọ	100; 500 ds	Phòng bệnh dịch tả vịt	Pháp	MRA-98
35	Cofafer	Sắt	Chai	50; 100 ml	Phòng chứng thiếu máu	Pháp	MRA-143
36	Iodavic	Iodine	Bình	1 lít, 5 lít; 60 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, kho tàng, dụng cụ, nước uống	Pháp	MRA-146
37	Prophyl	Phenol tổng hợp	Bình	1 lít, 5 lít; 60 lít	Thuốc sát trùng và khử mùi, đa dụng	Pháp	MRA-147
38	COR 2	Coronavi-rút vô hoạt chủng PL 84084, CR88121	Lọ	500; 1000 liều	Phòng giảm đẻ do coronavirus	Pháp	MRA-156
39	Aftopor/BOV	Kháng nguyên LMLM đơn type O (O Manisa, O_{3039},, O Philipine)	Chai (25 liều)	50ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	Pháp	MRA-157
40	Avinew	Kháng nguyên Vi-rút Niu-cát-xơn, chủng VG/GA	Lọ	500; 1000; 2000 2500 liều	Phòng bệnh Niu-cát-xơn ở gia cầm	Pháp T. Quốc	MRA-158
41	IBD Blen	Vi-rút	Lọ	500; 1000; 2000 2500 liều	Phòng bệnh gumboro cho gà	Mỹ	MRA-159
42	Pestiffa	K. nguyên virus dịch tả lợn	Lọ	10; 25; 50 ds	Phòng bệnh dịch tả heo	Pháp	MRA-160

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
43	Gallimune ND	Kháng nguyên vi-rút Niu-cát-xơn vô hoạt	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Niu-cát-xơn	Italy	MRA-166
44	Mycofax 25-100-500	Thiabendazol	Hộp	5 viên	Thuốc sát trùng kho tàng	Pháp	MRA-167
45	Iodamam	Polividone Iode	Bình	10 lít	Sát trùng bầu vú bò	Pháp	MRA-168
46	Akipor 6.3	Chủng gE-Bartha	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh giả dại ở heo	Pháp	MRA-169
47	Nemovac	Kháng nguyên virút viêm phổi chủng PL21	Lọ	1000 liều	Phòng hội chứng sưng phù đầu ở gà	Pháp	MRA-170
48	Homoserum	Kháng huyết thanh	Lọ	50 ml	Phòng và trị bệnh do virút carré, adeno típ 1, 2, Bordetella	Pháp	MRA-171
49	Hyoresp	Kháng nguyên Mycoplasma hyopneumonia vô hoạt	Lọ	10; 50; 100 liều	Phòng bệnh viêm phổi địa phương ở heo	Pháp	MRA-173
50	Eurican DHPPI2 (CHPPI2)	Kháng nguyên vi-rút carrê, Adenovirút, Parvovirút, Parainfluenza týp 2	Lọ	1 liều (hộp 100 lọ)	Phòng bệnh carré, do Adeno-virus, Parvovirus, parainfluenza typ2	Pháp	MRA-180
51	Eurican DHPPI 2-L (CHPPI2-L)	Kháng nguyên vi-rút carrê, Adenovirút, Parvovirút,	Lọ	1 liều (hộp 100 lọ)	Phòng bệnh carré, bệnh do Adenovirus, Parvovirus, parain-fluenza typ 2 và Leptospira	Pháp	MRA-181

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
		Parainfluenza týp 2 và vi khuẩn L.canicola; L. icterohaemorhagiae vô hoạt					
52	Eurican DHPPI 2-LR (CHPPI2-LR)	Kháng nguyên vi-rút carré, Adenovirus, Parvovirus, parainfluenza typ 2 sống đông khô và L. canicola, L.icterohaemorhagiae	Lọ	1 liều (hộp 100 lọ)	Phòng bệnh carré, bệnh do Adenovirus, Parvovirus, parainfluenza typ 2 và Leptospira và bệnh dại	Pháp	MRA-182
53	Gallimune 503	Kháng nguyên vi-rút Niu-cát-xơn, viêm phế quản, giảm đẻ và coryza vô hoạt	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm, hội chứng giảm đẻ và Cory za	Ý	MRA-183
54	Gallivac IB 88	Chủng CR88121	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm	Pháp	MRA-184
55	Burcell - S706+HVT	Chủng 706, Marek chủng HVT+FC126	Lọ	1000 liều, 2000 liều	Phòng bệnh Gumboro, bệnh Marek	Pháp	MRA-185
56	Gallimune SE	Vk Salmonella vô hoạt	Lọ	1000 liều	Phòng viêm ruột do Salmonella trên gà	Ý	MRA-192

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
57	Nebutol	Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride, Glutaraldehyde	Bình	1; 5; 60 lít	Thuốc sát trùng	Pháp	MRA-193
58	Ambioseptyl M775	4-chloro 3 - methylphenol; 2-Benzy l 4 - chlorophenol; Terpineol, camphor, eucalytus oil, methylsalicyate, isopropy	Bình	1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	Pháp	MRA-197
59	Fronline Plus for Cats	Fipronil; S-methoprene	Hộp	3 tuýp (tuýp: 1; 3; 6 x 0,5ml)	Diệt bọ chét và ve trên mèo	Pháp	MRA-198
60	Fronline Plus for Dogs	Fipronil; S-methoprene	Hộp	3 tuýp (tuýp: 0,67; 1,34; 2,68 4,0ml)	Diệt bọ chét và ve trên chó	Pháp	MRA-199
61	Recombitek® C6/CV	Vi rút nhược độc Carre, Adeno, Corona, Parvo, Parainfluenza, vi khuẩn L. canicola và L.icterohaemorrhagiae	Lọ	1ml/ 1 liều	Phòng bệnh do vi rút Carre, Adeno, Corona, Parvo, Parain-fluenza và vi khuẩn Leptospira canicola L.icterohaemorrhagiae cho chó	Mỹ	MRA- 201

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
62	Primodog	Vi rút Parvo nhược độc	Lọ	1ml/1 liều	Phòng bệnh do Parvovirus cho chó	Pháp	MRA-202
63	Gallivac AE	Kháng nguyên vi rut Encephalomyelítis	Lọ	1liều	Phòng bệnh viêm não tủy truyền nhiễm trên gà	Mỹ	MRA- 203
64	Aftopor monovalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt đơn type A (A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-204
65	Aftopor bivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A (A22 Iraq, A May 97)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-205
66	Aftopor trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq, A Malaysia 97), Asian 1(Asian 1 Shamir)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho heo và thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-206
67	Aftovaxpur trivalent	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O(O Manisa và O 3039), A(A22 Iraq,	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM cho thú nhai lại	Anh, Pháp	MRA-207

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nguồn gốc	Số đăng ký
		A Malaysia 97), Asian 1(Asian 1 Shamir)					
68	Trovac-AIV H5	Virus tái tổ hợp cúm gà trên véc tơ đậu gà	Lọ	1000; 2000 liều	Phòng bệnh cúm gà gây ra do týp H5 và đậu gà	Mỹ	MRA-208
69	Circovac	Circovirus type 2	Chai	5; 25 liều	Phòng bệnh do Circovirus type 2 gây gầy còm sau cai sữa trên heo	Mỹ	MRA-209

2. Công ty Noe Socopharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nocytocine	Oxytoxin	Chai	50ml	Kích thích rặn đẻ	NOEF-5
2	Bactersup pro	Clorure alkyl, Dimethyl benzyl, Ammonium, Glutaral dehyde	Chai, thùng	100; 200; 500ml, 1; 5; 20 lít	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi	NOEF-13
3	Septicid	Clorure alkyl, Dimethyl benzyl, Ammonium, Glutaral dehyde	Chai, thùng	100; 500ml, 1; 5 lít; 200 lít	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi	NOEF-14
4	Vagel LA	Polyvide iod	Bình	1 lít	Sát trùng đường sinh dục, rốn cho gia súc	NOEF-15

3. Công ty Prodeta

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Paciflor C10	Bacillus cereus	Bao	25kg	Chất trợ sinh	PDT-1

4. Công ty Cevasante Animale

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cevac IBD K	Kháng nguyên virus Gumboro	Chai	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	SNF-46
2	Cevac ND EDS K	Kháng nguyên virus dịch tả gà - hội chứng giảm đẻ	Chai	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả gà, hội chứng giảm đẻ	SNF-49
3	Aujecpig K	Kháng nguyên Aujeszky vô hoạt	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh Aujeszky	SNF-51
4	Coglapest	Kháng nguyên virus dịch tả heo, chủng Thiverval	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng dịch tả heo	SNF-52
5	Kapevac	Kháng nguyên virus dịch tả vịt	Lọ	100; 200; 500ml	Phòng dịch tả vịt	SNF-53
6	Enzaprost	Prostaglandin F2, Excipients	Lọ	5ml x 10	Hóc môn sinh sản	SNF-54
7	Cevamune	Sodium thiosulphate ($Na_2S_2O_3$)	Viên	20g	Nước pha vắc xin cho gà uống	SNF-82
8	Virakil	Alkyl dimethyl benzyldimethyl ammonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, Phuy	1; 5; 10; 25; 60; 200 lít	Sát trùng chuồng trại	SNF-83

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Coglapix®	Actinobacillus pleuropneumoniae chủng NT3, PO, U3, B4, Sz-II	Lọ	25; 50; 100; 125; 250 liều	Phòng viêm phổi màng phổi trên heo gây ra bởi Actinobacillus pleuropneumoniae (APP)	SNF-90
10	Cevac® Corymune 4 K	Avibacterium paragallinarum type A, B, C; Salmonella enteridis	Chai	250; 500; 1500ml	Phòng sổ mũi do Avibacterium paragallinarum và Salmonella enteridis trên gà	SNF-91
11	Cevac® Corymune 7 K	Newcastle chủng NDV-"SZ"Lasota, virus viêm nhiễm phế quản chủng "M-41", virus gây hội chứng giảm đẻ 76, chủng "B8/78", Avibacterium paragallinarum type A, B, C; Salmonella enteridis	Chai	250; 500; 1500ml	Phòng bệnh sổ mũi nhiễm khuẩn, nhiễm Salmonella enteridis, ND, IB và EDS trên gà	SNF-92

5. Công ty Vetoquinol

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vit-Esterone	Progesterone, Vitamine E	Lọ	10ml	Dưỡng thai, điều hòa q.trình sinh sản	VQ-26
2	Theracalcium	Calcium Gluconate, Calcium Glucoheptonate	Lọ	100ml	Bổ sung calcium	VQ-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Aluspray	Nhôm (Al)	Chai	210ml	Xịt bề mặt bao phủ vết thương	VQ-36
4	Frecardyl Inj	Heptaminol HCL, Diprophylline	Chai	50ml	Thuốc hồi sức, tăng lực trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	VQ-37
5	Supprestral suspension Inj	Medroxyprogesterone acetate	Lọ	5ml	Phòng ngừa và làm gián đoạn sự động dục trên chó, mèo	VQ-38
6	Calmivet Inj	Acepromazine base, benzyl alcohol, carbonate sodium	Lọ	50, 100ml	Phòng và trị triệu chứng nôn mửa do vận chuyển; an thần	VQ-39
7	Kynoselen	Disodic adenosine triphosphate, andydrous sodium selenite, heptaminol HCL, Mg, K, Vitamin B_{12}	Lọ	50, 100ml	Trị các bệnh suy nhược về cơ, dinh dưỡng kém ở trâu, bò, lợn, chó, mèo	VQ-40

6. Công ty Virbac

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Dinaforcyl Inj	Fe, Co, Cu	Chai	100ml	Cung cấp sắt, cobalt và đồng	AV-10
2	Golden-Sperm	Enzymes, vitamin, khoáng	Gói	100g; 1kg	Cung cấp vitamin, chất khoáng	AV-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Fleadom	0,0 Diethyl-0 (2-isopropyl-$-Methylpyrididyl-6) thiophosphate	Hộp	1 vòng	Diệt bọ chét cho chó, mèo	VB-11
4	Preventef vòng đeo (cổ chó)	Diazinon	Hộp	1 vòng	Phòng và trị ve, bọ chét cho chó, mèo	VB-20
5	Canigen DHA2PPi/L	Canine distemper live virus, Canine contagious live virus, Canine parvovirus live virus, Canine parainfluenza live virus, Leptospira inactived	Lọ	1 liều	Phòng các bệnh truyền nhiễm trên chó	VB-24
6	Suigen-Aujeszky Live	Chủng bartha	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh giải dại trên heo	VB-25
7	Suigen-Aujeszky Inactivated	Chủng bartha K/61	Lọ	25; 50 liều	Phòng bệnh giải dại trên heo	VB-26
8	Suigen Swine Fever	Chinese strain	Lọ	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh dịch tả trên heo	VB-27
9	Rabigen-Mono	Rabie virus, chủng PV 12	Lọ	1; 10; 25 liều	Phòng bệnh dại chó mèo	VB-28
10	Suiprost	Etiproston tromethamine	Lọ	2; 20ml	Kích thích tố thúc đẻ	VB-44
11	Remanol plus	Chlorure de didecyl dimethylammonium, Formaldehyde, Glutaraldehyde, Cglyoxal	Chai, can, thùng	1 lít 5; 20 lít 200 lít	Sát trùng trong chăn nuôi	VB-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Calci-delice	Calci gluconate monohydrate Cal. hydrogen phosphate dihydrate, Cal. carbonate, Cal. floride, Vitamin D_3	Hộp	30; 100 viên, (10 viên/vỉ)	Phòng, trị bệnh do thiếu Calci, Phospho, Fluor và Vitamin D_3	VB-53
13	Cortyl	Neomycin, Lindane, Fludrocortisone, Amyleine	Lọ	25ml	Trị viêm tai ngoài do vi khuẩn hoặc ký sinh trùng gây ra trên chó, mèo	VB-55
14	Epi-Otic	Salicyclic acid, Lactic acid	Lọ	60; 125ml	Sát trùng, làm khô ráo tai chó, mèo	VB-56
15	Dexprol 200	Fe	Lọ	10; 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu máu	VB-42
16	Eutherphos	Magne. hypophosphyte hexahydrate, Copper gluconate, Zin gluconate,	Chai	100ml	Trị bệnh do thiếu phosphor và mất cân bằng phospho/calci	VB-61

7. Công ty Laboratories Sogeval

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	TH4+	Amonium bậc 4; Glutaraldehyde	Chai, thùng	50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10; 25; 60; 200 lít	Thuốc sát trùng	SGV-1

8. Công ty Cobiotex CRT Agir

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Biofilm+	Bacillus subtilis, Lactobacillus, Pediococcus, Lactococcus, Candida, Aspergillus	Gói, bao	1; 25kg	Vệ sinh môi trường chăn nuôi	CRT-1

9. Công ty Evialis (Franvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Franbactol	Alkyl dimethyl benzel amonium chloride, Glutaraldehyde	Can	5; 20; 60 lít	Thuốc sát trùng vệ sinh chuồng trại	FRAN-6

10. Công ty Laboratories Biové

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Biocytocine	Oxytocine	Lọ	50ml	Kích thích hocmon dục đẻ	BIOVE-11

11. Công ty Laboratories Ceetal

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Agri'Germ 2000	Glyoxal, Formaldehyde, Glutaraldehyde, Dimethyl dececyl ammonium chloride	Chai, can	1; 5; 10; 20; 220l	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	LCE-1

12. Công ty Olmix Le Lintan

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Mistral	$CaCO_3$, $MgCO_3$	Bao, thùng	1; 5; 10; 15; 25; 100kg	Hút ẩm, sát trùng chuồng nuôi và giữ ấm cho gia súc, gia cầm non	OLMIX-1

HUNGARY

1. Công ty Ceva - Phylaxia Veterinary Biologicals Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cevac ND-IB K	Kháng nguyên virus dịch tả gà - viêm phế quản truyền nhiễm gà	Chai	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả - viêm phế quản gà	SNF-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Cevac ND IB EDS K	Kháng nguyên virus dịch tả - viêm phế quản truyền nhiễm gà - hội chứng giảm đẻ	Chai	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả - viêm phế quản gà - hội chứng giảm đẻ	SNF-48
3	Cevac ND IB IBD EDS K	Kháng nguyên virus dịch tả gà - viêm phế quản truyền nhiễm gà - bệnh Gumboro - hội chứng giảm đẻ	Chai	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả - viêm phế quản - bệnh Gumboro - hội chứng giảm đẻ	SNF-50
4	Cevac New K	Kháng nguyên Newcastle vô hoạt	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh dịch tả gà	SNF-60
5	Cevac Gumbo L	Kháng nguyên virus Gumboro, chủng LIBDV	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	SNF-62
6	Cevac Bron L	Kháng nguyên virus viêm thanh khí quản, chủng H120			Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm gà	SNF-64
7	Cevac LTL	Kháng nguyên virus viêm thanh khí quản	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm gà	SNF-69
8	Cevac IBD L	Kháng nguyên virus Gumboro Chủng 2512	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro	SNF-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Cevac New L	Kháng nguyên virus Newcastle chủng Lasota	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	SNF-72
10	Cevac BI L	Kháng nguyên virus Newcastle chủng Lasota, virus phòng bệnh viêm thanh khí quản chủng B48	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm khí quản truyền nhiễm gà	SNF-73
11	Cevac UNI L	Kháng nguyên virus Newcastle, chủng hitchner B1	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	SNF-74
12	Cevac Mass	Kháng nguyên virus gây viêm thanh khí quản, chủng B48	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm khí quản truyền nhiễm gà	SNF-75
13	Cevac FP L	Virus phòng bệnh viêm đậu gà	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh đậu gà	SNF-76
14	Cevac ND-IB-IBD K	Kháng nguyên virus Newcastle chủng lasota, viêm phế quản truyền nhiễm chủng Massachusetts, Gumboro	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm và Gumboro gà	SNF-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Cevac Vitapest L	Virus Newcasle arirulent, chủng NDV 6/10	Lọ	1000, 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle	SNF-81
16	Cevac Broiler ND K	Chủng virus Newcastle vô hoạt NDV-SZ Lasota	Chai	100ml/1000 liều; 500ml/5000 liều	Phòng Newcastle trên gà	SNF-87
17	Cevac Transmune	Infectious Bursal Disease virus chủng Winterfield 2512, G-61	Lọ	1000; 2000; 2500; 5000 liều	Phòng Gumboro trên gà	SNF-88
18	Cevac Vitabron L	Newcastle disease virus strain PHY.LMV.42, Infectious Bronchitis virus	Lọ	1000; 2000; 2500 liều	Phòng Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	SNF-89

SINGAPORE

1. Công ty Bestar Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	BAK-ND+EDS	Newcastle virus	Lọ	500 liều/250ml; 1000 liều/500ml	Phòng bệnh Newcastle, Hội chứng giảm đẻ	BTS-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	BAL - IBD	Gumboro virus	Lọ	500; 1000 liều; 2000 liều	Phòng bệnh Gumboro	BTS-2
3	BDK - PM	Vi khuẩn Pasteurella multocida vô hoạt	Lọ	250 liều/250ml 500 liều/500ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng ở vịt	BTS-3
4	BAK-ND+IBD	Newcastle, Gumboro inactived virus	Lọ	500 liều/250ml 1000 liều/500ml	Phòng bệnh Newcastle, Gumboro	BTS-4
5	BAK-ND+MG	Newcastle virus, Mycoplasma gallisepticum	Lọ	500 liều/250ml 1000 liều/500ml	Phòng bệnh Newcastle, Myco-plasma	BTS-5
6	BAK-IC	Heamophilus paraga-llinarum serotype A, C	Lọ	500 liều/250ml 1000 liều/500ml	Phòng bệnh Coryza	BTS-6
7	BAK-ND	Newcastle inactived virus	Lọ	500 liều/250ml 1000 liều/500ml	Phòng bệnh Newcastle	BTS-7
8	BAL-ND 'S'	Newcastle inactived virus	Lọ	500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle	BTS-8
9	BAL-ND 'Lasota'	Newcastle virus, Lasota strain	Lọ	500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle	BTS-9
10	BAL-ND 'B_1'	Newcastle virus, B_1 strain	Lọ	500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle	BTS-10
11	BAL-ND+IB	Newcastle virus, Bronchitis virus	Lọ	500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản	BTS-11
12	BSK-Auj.gI	Inactivated Aujeszky virus	Lọ	10; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh Aujeszky	BTS-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	BSL-PS 100	PPRS virus	Lọ	10; 20; 25; 50 liều	Phòng rối loạn hô hấp, sinh sản	BTS-13
14	BSL-HC	Lyophilized live GPE, strain swine fever	Lọ	10; 20; 25; 50 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	BTS-14

2. Công ty Zagro Singapore Pte

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ioguard 300	Iodine	Bình	1; 3; 5; 25; 200L	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	ZEL-3
2	Ultraxide	Thuốc sát trùng	Bình	100ml; 1; 5; 10 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	ZEL-17
3	Kleenguard		Bình	1; 3; 20; 100L	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	ZEL-13
4	Haltox	Acid citric	Bao	25kg	Cung cấp acid citric	ZEL-14

SPAIN

1. Công ty Laboratories Hipra S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Hipramastivac	Corynebacterium pyogen, E. coli, Staphylococus, Streptococus, Pseudomona aeruginosa	Lọ	1, 5, 30 liều	Phòng bệnh viêm vú bò	HP-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Auskipra-BK	Inactivated ADV, strain Bartha K61 gI negativa	Lọ	10, 20, 50 liều	Phòng bệnh giả dại (Aus-jecki)	HP-16
3	Hipra Viar-S	Vi rut Newcastle train Lasota	Lọ	100; 500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle	HP-17
4	Hipra Gumboro	IBD Virus W2512	Lọ	500, 1000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro	HP-18
5	Hipra Gumboro-CH/80	IBDV, clone CH/80	Lọ	500, 1000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro	HP-19
6	Ferrohipra-100	Iron dextran	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu sắt	HP-20
7	Amervac PRRS	VR sống đông khô chủng VP-046 BIS	Lọ	10; 50 liều	Ngừa sảy thai và hô hấp lợn	HP-25
8	Mypravac suis	Vacxin chủng Mycoplasma suis	Lọ	10; 25; 50 liều	Ngừa bệnh viêm phổi địa phương	HP-26
9	Hipradog - 7	Canine parvovirosis, distemper, hepatitis, Laringotracheitis, Canine Tracheobronchitis, Leptospira vô hoạt	Lọ	1 liều	Phòng 7 bệnh trên chó	HP-27
10	Auskipra - GN	Vacxin sống đông khô chủng Bartha K.61 (gE-)	Lọ	10; 25; 50 liều	Ngừa bệnh giả dại trên lợn	HP-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Parvosuin-Mr	Parvovirus chủng NADL-2, E.rhusiopathiae chủng R32E11	Chai	10 liều; 25 liều; 50 liều	Phòng đóng dấu và hội chứng thai gỗ, thai chết lưu trên heo	HP-35
12	Colisuin-CL	E.coli, Độc tố Cl. Perfringens, Cl. Novyi type B	Chai	10 liều (20ml); 25 liều (50ml) 50 liều (100ml)	Phòng độc tố đường ruột do E.coli, viêm ruột hoại tử trên heo con, heo nái	HP-36
13	Gestavet	Serum gonadotrophin, Chorionic gonadotrophin	Lọ	Lọ 1 liều + 5ml nước pha; Lọ 5 liều + 25ml nước pha	Gây động dục và rụng trứng trên heo	HP-37
14	Hipragumboro-GM 97	Virus gây viêm túi Fabricius chủng GM 97	Chai	1000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	HP-38
15	Hipraviar-B_1/H120	Live Newcastle Disease Virus, chủng B_1; Live Infectious Avian Bronchitis Virus, chủng H120	Chai	500; 1000; 2500; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) và viêm khí quản truyền nhiễm (IB) trên gia cầm	HHP-39
16	Hipraviar-TRT	Inactivated Turkey Rhinatracheitis Virus, chủng 1062	Chai	100; 200; 500; 1000 liều	Phòng hội chứng sưng phù đầu trên gà (SHS) và viêm xoang khí quản trên gà tây (TRT)	HHP-40
17	Hipraviar-clon	Live Newcastle Disease Virus, clone CL/79	Chai	500; 1000; 2000; 2500; 5000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	HP-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
18	Coripravac - AH	Haemophilus Paragallinarum serotype A; B; C	Chai	1000 liều	Phòng bệnh Coryza ở gà	HP-42
19	Hiprasuis-Glasser	*Haemophilus parasuis* vô hoạt SV-1; *Haemophilus parasuis* vô hoạt SV-6	Chai	10, 50 liều	Phòng bệnh viêm phổi do *Haemophilus parasuis* trên heo	HP-44
20	Neomosin	*Actinobacillus pleuropneumoniae* vô hoạt, serotype 2; *Actinobacillus pleuropneumoniae,* vô hoạt serotype 5; *Actinobacillus pleuropneumoniae,* vô hoạt serotype	Chai	50 liều	Phòng bệnh viêm màng phổi và phổi do *Actinobacillus pleuropneumoniae* trên heo	HP-45

2. Công ty S.P Veterinaria, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Cuats-80 (Disinfectant solution)	Benzalkonium chloride	Chai, can, thùng	100ml; 1 lít; 5; 25; 60; 100; 200; 1000 lít	Cung cấp amino acid cho gia súc, gia cầm	SPV-33

3. Công ty Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Formycine Gold PX	Formaldehyde (E240), Propionic (E280)	Gói, bao	5; 10; 20; 25; 50; 100; 200; 250; 500; 700g; 1kg; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi thú y, diệt nấm	IQF-1
2	Formycin Liquido	Formaldehyde (E240), Propionic (E280), Formic acid (E260)	Chai, thùng	20; 20; 25; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít; 2; 5; 10; 20; 25; 50; 100; 200 lít	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi thú y, diệt nấm	IQF-3
3	Toxiban AM	Bentonite-Montmorrill (E558), Ammomium carbonate	Gói, bao	5; 10; 20; 25; 50; 100; 200; 250; 500; 700g; 1kg; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi thú y, diệt nấm	IQF-4
4	Desinkap®	Glyoxal, Formaldehyde, Benzalkonium Chloride, Glutaraldehyde	Chai, thùng	1; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng diệt vi khuẩn, virut, nấm, trong trại chăn nuôi lò ấp	IQF-5
5	Sintokap®	Cypermethrin	Chai, thùng	1; 5 lít	Trị ngoại ký sinh trùng	IQF-6
6	Chlorine® tablet	Symclosene	Gói, bao	5kg (200g/1 viên)	Thuốc sát trùng trong trại chăn nuôi và khử trùng nguồn nước	IQF-7
7	Nidokap®	Formaldehyde	Gói, bao	25kg	Thuốc sát trùng trong chăn nuôi	IQF-8

4. Công ty Laboratorios Calier, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Despadac 22	Didecyl dimethyl ammonia chloride, glutaradehyde	Lọ, bình	10ml; 1 lít; 5; 25 lít	Thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi thú y	CALIER-13
2	Despadac	Didecyl dimethyl ammonia chloride, Glutaraldehyde, Formaldehyde	Bình	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 5; 25; 200; 250; 500; 1000 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, lò ấp, xe vận chuyển, trang thiết bị, dụng cụ vắt sữa	CALIER-18
3	Cali-Dex 100	Dextran iron complex	Bình	10; 20; 50; 100ml; 200; 250; 500; 1000 lít	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	CALIER-20

5. Công ty Laboratorios Syva, S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Syvayesky-2	Aujeszky's Disease virus Bartha	Lọ	25; 50 liều	Phòng bệnh Aujeszky trên lợn	SYVAS-12
2	Syvayesky inactivada	Inactivated Aujeszky's virus Bartha strain	Lọ	25; 50 liều	Phòng bệnh Aujeszky trên lợn	SYVAS-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Rhinanvac Cerdos	Bordetella bronchiseptica, Haemophilus suis, Mycoplasma hyopneumoniae, Pasteurella haemolytica, Pasteurella multocida	Chai	5 liều (10 ml); 25 liều (50 ml) 50 liều (100 ml), 125 liều (250 ml)	Phòng viêm teo mũi và hội chứng viêm đường hô hấp trên heo	SYVAS-14

6. Công ty Invesa International S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Galapan	D-cloprostenol; Chlorocresol	Lọ	2; 10; 20ml	Kích thích động dục, kích đẻ trên trâu, bò, ngựa, lợn	IIS-26

THAILAND

1. Công ty Better Phama

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bioclean	Benzalkonium chloride	Chai, bình	100; 500ml; 5; 20 lít	Sát trùng vi khuẩn, nấm mốc và virus, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, và máy ấp trứng	BP-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Iodox	Iodine complex	Chai, thùng	100; 500ml; 1; 20kg; 1 gallon	Thuốc sát trùng các mầm bệnh tồn tại trong chuồng trại chăn nuôi	BP-27
3	BP Providone Iodine	Povidone Iodine	Chai, bình	10, 30, 50, 100, 500ml; 1; 5; 20l	Thuốc sát trùng và chống nhiễm trùng cục bộ, dụng cụ và môi trường	BP-33

2. Công ty Mixwell Maketing

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	HCG-150	Glutaraldehyde, Alky Dimethyl Benzyl Ammonium chloride, Poly ethydene glucol, NS8 Chocolate Brown color	Chai, thùng	1; 5; 20; 200l	Sát trùng chuồng trại	MMC-1

3. Công ty A.N.B Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Diluent for Swine Fever Vaccine	Sodium chloride, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Disodium hydrogen phosphate	Chai	20; 100ml	Dùng pha vắc xin dịch tả heo	ANB-1

4. Công ty Nutrichem

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Welluent	Dipotassium Hydrogen Phosphate (K_2HPO_4), Potassium Dihydrogen Phosphate (KH_2PO_4)	Chai nhựa	10; 20; 30; 50; 60; 75; 80; 90; 100; 120; 150; 200; 240ml	Pha loãng vắc xin cho gia cầm	NCT-1
2	Welluent-Blue	Dipotassium Hydrogen Phosphate (K_2HPO_4), Potassium Dihydrogen Phosphate (KH_2PO_4), Brilliant Blue FCF	Chai nhựa	10; 20; 30; 50; 60; 75; 80; 90; 100; 120; 150; 200; 240ml	Pha loãng vắc xin cho gia cầm	NCT-2

5. Công ty L.B.S Laboratory Ltd., Part

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	CP-CIN 20	Oxytoxin	Lọ	10; 100ml	Kích thích tử cung co thắt để tiện cho việc sinh nở, hỗ trợ tử cung sau sinh, giảm xuất huyết sau sinh, kích thích tiết sữa trên trâu, bò, ngựa, cừu, chó, mèo	LBS-1

THỤY SỸ (SWISS)

1. Công ty Novartis Consulting AG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Agita 10 WG	Thiamethoxam	Bao, gói	10, 20, 100, 250, 400g, 70kg	Thuốc diệt ruồi	NVT-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Pleurostar APP	Actinobacillus (Heamophilus)	Lọ	100ml	Phòng các bệnh về đường hô hấp	NVT-5
3	Agita 1 GB (Trung Quốc, Áo, Bỉ, Thụy Sỹ)	Thiamethoxam	Bao Thùng	10; 20; 100; 250;400g 25; 30; 40; 50kg	Diệt ruồi trong chuồng trại chăn nuôi	NVT-6
4	Coxabic®	Gametocyte protein (APGA)	Chai	50ml; 250ml; 500ml (0,5ml/liều)	Phòng bệnh cầu trùng cho gà	NVT-7
5	Alfacron Plus 10 WP	Azamethiphos	Bột	250, 500g; 25, 40, 50kg	Thuốc diệt ruồi	CGN-04
6	Snip	Azamethiphos	Bột	20, 250, 500g; 5; 25, 50kg	Thuốc diệt ruồi	CGN-05
7	Larvadex 1% Premix	Cyromazine	Bao, gói	1kg, 5kg, 25kg & 50kg	Thuốc diệt ấu trùng ruồi	CGN-12
8	Neporex 2% SG	Cyromazine	Bao, gói	250g, 5kg	Thuốc diệt ấu trùng ruồi	CGN-13
9	Neporex 50 SP	Cyromazine	Bao, gói	250g, 5kg, 40kg & 50kg	Thuốc diệt ấu trùng ruồi	CGN-14
10	Vira Shield 5	Herpes virus, Pestivirus, Paramyxovirus,	Lọ	10, 20, 50 liều (50; 100; 250ml)	Phòng viêm xoang mũi, tiêu chảy, cảm cúm, viêm đường hô hấp	GRA-1
11	VIB Shield L5	Campylobacter fetus và 5 chủng Leptospira	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Phòng bệnh sảy thai truyền nhiễm	GRA-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Bovine Ecolizer	Máu ngựa 4 dòng E.coli KN K99	Lọ	10ml	Phòng bệnh E. coli	GRA-3
13	Parvo Shield L5E	Parvo virus, 5 chủng Leptospira, Erysipelothrix	Lọ	10, 20, 50 liều (50; 100; 250ml)	Phòng bệnh sảy thai, chết thai	GRA-4
14	Rhinicell	Bordetella bronchiseptica	Lọ	30 liều (30ml, 1000 ml)	Phòng viêm mũi, viêm teo mũi	GRA-5
15	Borde Shield 4	Bordetella bronchiseptica P.multocida, E.rhusiopathiae	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Viêm teo mũi truyền nhiễm, đóng dấu, viêm phổi	GRA-6
16	Parapleuro Shield P	Actinobacillus pleuropneumoniae, Haemophilus Parasuis - P. Multocida bacterin	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Phòng bệnh Glasser's, viêm màng phổi, viêm phổi	GRA-7
17	Porcine Ecolizer	Kháng huyết thanh E.coli	Lọ	5; 6, 50, 100 liều (10; 12; 100; 200ml)	Kháng huyết thanh phòng bệnh E.coli	GRA-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Parapleuro Shield P+BE	Bordetella bronchiseptica, Ery.rhusiopathiae	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Phòng bệnh viêm mũi và đóng dấu	GRA-9
19	Porcine pili shield (vi khuẩn E.coli)	E.coli K99, K88, 987P, F41	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Phòng phòng bệnh tiêu chảy và phù đầu ở heo	GRA-12
20	Myco shield TM	Mycoplasma hyopneumoniae	Lọ	10, 50 liều (20; 100ml)	Phòng viêm phổi địa phương ở heo	GRA-13

CHINA

1. Công ty Lanzhou Veterinary Research institute

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vắc xin LMLM vô hoạt type O	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O	Chai	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò	VLC-1
2	Vắc xin LMLM vô hoạt type O (II)	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O (II)	Chai	20; 50; 100ml	Phòng bệnh LMLM trên lợn	VLC-2

2. Công ty Merial Nanjing Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vaccine cúm gia cầm tái tổ hợp vô hoạt	Vi rút cúm gia cầm tái tổ hợp, subtype H5N1, chủng Re-1	Lọ	250ml	Phòng bệnh cúm do vi rút cúm gia cầm subtype H5 gây ra trên gà, vịt, ngỗng	MNA-1

3. Công ty phát triển công nghệ sinh học Harbin

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vắc xin cúm gia cầm vô hoạt, nhũ dầu (H5N1)	Kháng nguyên vi rút cúm vô hoạt chủng A/ Re-1/2003 (H5N1)	Chai	500 liều	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà, vịt, do virút cúm chủng A, phân chủng H5	HBD-1
2	Vắc xin cúm gia cầm vô hoạt, nhũ dầu (H5, N28)	Kháng nguyên vi rút cúm vô hoạt chủng A/N28/1973 (H5N2)	Chai	500 liều	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà, vịt, do virút cúm chủng A, phân chủng H5	HBD-2
3	Reassortant Avian Influenza Virus Vaccine, Inactivated (H5N1 Subtype, Re-5 Strain)	Kháng nguyên vi rút cúm vô hoạt chủng A/Harbin/Re5/2003 (H5N1)	Chai	250, 400ml	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà, vịt do virút cúm chủng A, phân chủng H5	HBD-3

4. Công ty China Agricultural Veterinary Biological Science And Technology

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vắc xin lở mồm long móng vô hoạt nhị giá Type O-Asia 1	Virút LMLM type O (ONXC/92), Asia 1	Chai	20; 50; 100ml	Phòng bệnh Lở mồm long móng do vi rút type O, Asia1 trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	CAV-1

5. Công ty Lonza Guangzhou Ltd-Lonza Group

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Barquat MB 80	Alkydimethyl Benzyl Ammonium chloride, Ethyl alcohol	Thùng	25; 50; 100; 200kg	Khử trùng, tiêu độc	LZA-1

6. Công ty QYH Biotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vaccine cúm gia cầm tái tổ hợp vô hoạt	Kháng nguyên Vi rút cúm gia cầm, subtype H5N1, Re-1	Lọ	100, 250ml	Phòng bệnh cúm do vi rút cúm gia cầm subtype H5 gây ra trên gà, vịt	QYH-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Vaccine cúm gia cầm tái tổ hợp vô hoạt	Vi rút cúm gia cầm tái tổ hợp, subtype H5N1, chủng Re-5	Lọ	250ml	Phòng bệnh cúm do vi rút cúm gia cầm subtype H5 gây ra trên gà, vịt	QYH-2

7. Công ty Chengdu Medical E&P of China Animal Husbandry

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin dịch tả lợn nhược độc chủng C (Swine Fever Vaccine)	Virút dịch tả lợn nhược độc chủng C (Chinese)	Chai	20; 40; 50; 60 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	CME-1
2	Vắc xin hội chứng hô hấp, sinh sản heo (PRRS)	Virus PRRS vô hoạt chủng NVDC-JXA 1	Chai	10; 20; 50 liều	Phòng hội chứng hô hấp, sinh sản heo	CME-2

8. Công ty Guangdong Dahuanong Animal Health Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Highly Pathogenic Porcine Reproductive and Respiratory Syndrome vaccine, live (JXA1-R strain)	PRRSV chủng JXA1-R, nhược độc	Lọ	10; 20; 50 liều	Phòng bệnh PRRS ở lợn	GDA-1

TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP (UEA)

1. Công ty Pharm Care International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Viru-Gard	Potas. peroxymonosulphate, Sodium chloride, Malic acid, Sulphamic acid, Sodium hexametaphosphate	Bao, thùng, xô	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 20; 25; 50; 100kg	Thuốc sát trùng, khử trùng nước, không khí, môi trường, dụng cụ y tế, dụng cụ thí nghiệm	PI-1

CHI LÊ

1. Công ty Laboratorio Centrovet LTDA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sekir	Iodine- nonyl phenol, phosphoric acid, iodine	Chai, thùng	1 lít 5; 10; 20; 200 lít	Sát trùng cho gia súc, gia cầm, tẩy trùng thiết bị chuồng trại	LACE-2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

MỤC LỤC

DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT THÚ Y ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
1	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8696243 091.3210744	04.8691263
2	Công ty Cổ phần dược và vật tư thú y (HANVET)	88 - Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà nội	ducluu@netnam.vn	04.8691156	04.8690097
3	Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)	Ngõ 2 - Cầu Tiên - Giáp Nhất - Thịnh Liệt - Thanh trì - Hà Nội	huphavet@hn.vnn.vn	04.8686633 04.8617456	
4	Công ty TNHH Thuốc thú y PHAVETCO	128C Đại La - Đồng Tâm; Số 23, tổ 17, đường Nguyễn Tam Trinh - Mai Động - Hai Bà Trưng - Hà Nội		04.8696273 04.8626908	
5	Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5	Khu Công nghiệp Hà Bình Phương, H. Thường Tín, Hà Nội		04.8531458 091.3210744	
6	Công ty Cổ phần thuốc thú y Việt Anh	Cụm CN Liên Phương - Thương Tín - Hà Nội		04.6406213	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
7	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu dược thuốc thú y NASA	Tổ 20, Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội		04.8695074	
8	Xưởng Sản xuất thực nghiệm thuốc thú y - Viện Thú y	74-Trường Chinh - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội		04.8691589	
9	Công ty Cổ phần thuốc thú y Hải Nguyên	Thôn Chính Trung - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội			
10	Công ty TNHH Thuốc Thú y Miền Bắc	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội		04.8523616	
11	TT công nghệ sinh học Đông Nam Á	Nguyễn Công Hoan - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội			
12	Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (Pharmavet Co)	Lô 28, Khu công nghiệp Quang Minh, H. Mê Linh, Hà Nội		091.3597222 091.3555166	04.6610747
13	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
14	Công ty Phát triển công nghệ nông thôn (RTD)	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội	rtd-utad@fpt.vn	04.8686154 091.3227058	
15	Công ty Cổ phần Sóng Hồng	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội		04.8685558 091.3228571	
16	Công ty Cổ phần dược phẩm cao	Khu Công nghiệp An Khánh - Hà Nội			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
17	Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh	Cụm Công nghiệp Phùng, Đan Phượng, Hà Nội			
18	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Thú y (BTV)	Biên Giang - TX.Hà Đông, Hà Nội			
19	Công ty TNHH Thú y Xanh VN	Khu công nghiệp Phú Thị - Gia Lâm - Hà Nội			
	HƯNG YÊN				
20	Công ty TNHH Phát triển mạng lưới toàn Cầu Nam Dũng (Netde Co., Ltd)	Thôn Hành Lạc - H.Văn Lâm - tỉnh Hưng Yên	namdung@fpt.vn	091.3222327	
	TỈNH KHÁNH HÒA				
21	Phân viện Thú y Miền trung - Viện Thú y	Km số 4, đường 2/4, Đồng Đế Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa	pvthuy@dng.vnn.vn	058.831118	058.831592
	TỈNH LÂM ĐỒNG				
22	Phân viện vắc xin Đà Lạt				
	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
23	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân, Q. I, TP. HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060
24	Công ty Bio - Pharmachemie	2/3 Tăng Nhơn Phú, Phước Long B, Quận 9 - TP. HCM	biopharmachemie@hcm.vnn.vn	08.7313490 08.7313698	08.7313488

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
25	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Thuận Kiều	236A Lê Văn Sĩ - quận Tân Bình - TP HCM	gammachem@hcm.vnn.vn	08.8440582 08.8445155	
26	Công ty Cổ phần Sài Gòn V.E.T	41A, Phước Long B - Quận 9 - TP HCM	saigonvet@gmx.net	08. 7313547 08. 7310239	08.7310704
27	Công ty TNHH Minh Huy	431/16A đường 26/3, Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP HCM	micronetvn@yahoo.com	08.8444834 0903817021	
28	Cơ sở sản xuất Dược thú y Khoa Nguyên	5/22 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	veteject@hcm.vnn.vn	08.8425556	08.8498550
29	Công ty TNHH sản xuất thương mại 533	29 Đào Cam Mộc - P4 - Q8 - TP. HCM		08.8503092	08.8505196
30	Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Thịnh Á	220 Phạm Thế Hiển - phường 2 - quận 8 - TP HCM	asifac@hcm.vnn.vn	08.8515728 08.8513571	08.8568035
31	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)	14G Phan Văn Trị - phường 7 - quận Gò Vấp - TP HCM	vivco-97@hcm.vnn.vn	08.8943854 0903839307	
32	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thuốc thú y Gấu Vàng	458 đường Cách mạng tháng Tám - phường 4 - quận Tân Bình - TP HCM	golden-bear@hcm.vnn.vn; khuungoc79@hotmail.com	08.8443278 0913805777	
33	Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân	15/5 Phạm Văn Hai, P1, Q. Tân Bình, TP HCM	sovavet@yahoo.com ahnni@pvthcm.org	08.8447269 08.8442422	08.8447269

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
34	Công ty TNHH Quốc Minh	20/3 Tam Bình, KP8, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức - TP. HCM	quocminhcom@hcm.vnn.vn	08.72661443	08.7266799
35	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Thọ	260/40 Đường Nguyễn Thái Bình, P12, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	dntn_phuctho@yahoo.com	0903644488	
36	Công ty TNHH Kinh doanh Thuốc Thú y Minh Ngân	33 B8 Điện Biên Phủ - Q. Bình Thạnh - TP. HCM	nghipm@hcm.fpt.vn	08.9967319	08.8223577
37	Công ty TNHH Mỹ phẩm Hoàng Anh	137/75 Âu Dương Lân, P.2, Tp. HCM			
38	Công ty TNHH TM&SX thuốc Thú y Napha	159 Bùi Công Trừng - Nhị Bình - Hóc Môn - TP. HCM	napha@hcm.vnn.vn	08.7120481	08.7120519
39	Cty TNHH thuốc thú y - Thủy Sản Hương Hoàng Nam	A9/54 Ấp 1, xã Bình Chánh, Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh			
40	Công ty TNHH Kiến Vương	Lô 22, đường số 7, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh		08.37543624	
	TỈNH TÂY NINH				
41	Công ty TNHH TMSX A.S.T.A	Ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, H.Trảng Bàng, T.Tây Ninh		08.38373372	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	TỈNH BÌNH DƯƠNG				
42	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Xã Uyên Hưng - huyện Tân Uyên - Bình Dương	bichnt@bayer.com.vn	08.7313424	08.8978840
43	Công ty Liên doanh TNHH Anova	36 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Bình Dương	anova.bio@hcm.vnn.vn	650.782770	650.782700
44	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất thuốc thú y Minh Dũng	Khu phố Khánh Hội, TT. Tân Phước Khánh, H. Tân Uyên, T.Bình Dương	minhdungcom@hcm.vnn.vn trongthienpn@yahoo.com	0650.790847 0903708833	0650.790849
45	Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y SAPHA	134/46 Đông Hòa - Thuận An - Dĩ An - Bình Dương - TP HCM	safa@hcm.vnn.vn	0650.751403	0650.751063
	TỈNH ĐỒNG NAI				
46	Công ty TNHH Virbac	Khu CN Song mây, xã Bắc Sơn, Thống Nhất, Đồng Nai	office@virbac.vnn.vn phuongthao@virbac.vnn.vn	08.8404629 091.3910101	08.8401260
	TỈNH LONG AN				
47	Công ty Dược phẩm thú y - Thủy sản Long An	15 Phan Đình Phùng - phường 12 - Tân An - Long An		072.829203 072.834803	
	TỈNH TIỀN GIANG				
48	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1, TT Cai Lậy, H. Cai Lậy, T.Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834 090.3817021	

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
	THÀNH PHỐ CẦN THƠ				
49	Công TY SXKD Vật Tư và Thuốc thú y (VEMEDIM Cần Thơ)	Số 7 - đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	vemedim@hcm.vnn.vn vmd@@hcm.vnn.vn	071.820703 071.820704	071.825853 071.825177
50	Công Ty TNHH Thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)	Số 151/18 - Trần Hoàng Na - thành phố Cần Thơ	thanhphongg@yahoo.com	071.839766 091.3870031	071.831525
51	Công ty TNHH thuốc thú y 2-9	108/46/6B đường 30/4 - thành phố Cần Thơ	nhhung566@yahoo.com	071.833063 091.3829740	
52	Công ty Thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)	108/46/6, đường 30/4 thành phố Cần Thơ	chaien223@yahoo.com	071.834713 071.834921	
53	Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại thuốc thú y 1/5	108/46/6D đường 30/4 - thành phố Cần thơ	haunp2002@yahoo.com	071.830385	
54	Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu (sản xuất thuốc thú y 3-2)	130 Quốc Lộ 1A - Phường Ba Láng - Quận Cái Răng - Cần Thơ		071.913347 091.3973043	
	DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT THÚ Y ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI				
1	Công ty TNHH thương mại và sản xuất ruby	35 Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Tp.HCM			

TT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Địa chỉ E.Mail	Điện thoại	Fax
2	Xí nghiệp thuốc thú y trung ương	Thị trấn Phùng - Hoài Đức - Hà Nội		034.861337	034.861799
3	Công ty TNHH Asialand Việt Nam	Số 24 đường 26, khu CN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương	asialandvn@asialandvn.com	0650728628	
4	Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)	29 Nguyễn Đình Chiểu; số 5 Trần Cao Vân, Q. I, TP. HCM	navetco@hcm.netnam.vn	08.8225063	08.8225060
5	Công ty Cổ phần Dược thú y Cai Lậy	Số 560 Quốc lộ 1 - Thị trấn Cai Lậy - Huyện Cai Lậy - Tiền Giang	mekovet@hcm.vnn.vn	08.8444834 090.3817021	
6	Công ty TNHH TM và Sản xuất Thiện Nguyễn	67/2 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	thng@hcm.netnam.vn	08.7173211 08.7173309	08.7173209

MỤC LỤC

DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT THÚ Y ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	ENGLAND		
1	Công ty Antec International	ATI-7	6
2	Công ty SWC Health And Hygiene	SWC-03	3
3	Công ty Anupco	AP-17	1
4	Công ty Meriden Animal Health	MRD-01	1
5	Công ty Evans Vanodine	EVE-02	1
6	Conventry Chemicals	CVTUK-1	1
7	Quatchem Ltd	QC-1	1
8	Công ty Agil	AGI-1	1
9	Công ty Eco Animal Helth	ECO-8	1
10	Công ty Special Product	SPT-9	1
11	**ARGENTINA**		
12	Công ty Proagro S.A	PSA-2	1
13	**INDIA**		
14	Công ty Ranbaxy Laboratories	RBXI-4	1
15	Công ty Cipla	CIPLA-25	1
16	**AUSTRALIA**		
17	Công ty Troy Laboratories Pty	TROY-1	1
18	Công ty Jurox Pty	JPL-4	2

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
19	**BELGIUM**		
20	Công ty V.M.D.N.V	VMD-39	4
21	Công ty Janssen Pharmaceutica N.V	JSPB-2	2
22	Công ty Cidline	CID-1	1
23	**CANNADA**		
24	Công ty Vetech Laboratories	VTL-2	2
25	Công ty Glide Chem Ptv.ltd	GCC-01	1
26	Công ty Dextran Product	DP-3	3
	IRELAND		
27	Công ty Medentech	MDT-5	2
	SCOTLAND		
28	Kilco International	KILCO-6	5
	GERMANY		
29	Công ty Bayer AG	BYA-19, BE-7, BYVK-07	11
30	Công ty Basf Aktiengesellschaft	BASF-32	2
31	Công ty Ewabo Chemikalien GMBH KG	ECG-4	4
32	Công ty Boeringer Ingelheim vet	BIV-3	3
	DENMARK		
33	Công ty Fef Chemicals A/S	FFC-1	1
	NEITHERLAND		
34	Công ty Intervet	IT-152	104

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
35	Công ty Eurovet Animal Health B.V	ERV-21	2
36	Công ty Polymix B.V	PLM-10	1
37	Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V	DUTCH-16	3
38	Công ty Alfasan Internation B.V	AFSI-10	1
	LIÊN BANG NGA (RUSSIA)		
39	Công ty Federal Governmental Institution (Fgi “arriah”)	FGI-4	4
40	Công ty khoa học - sản xuất "Trung tâm nghiên cứu" Koltsovo, tỉnh Novosibisk	VETO-2	2
	KOREA		
41	Công ty Choong Ang Biotech	CAC-20	3
42	Công ty Komiphar International	KMB-27	6
43	Công ty Green Gross Veterinary Products	GGVK-03	3
44	Công ty Samyang Pharma Chemicals	SPC13	7
45	Công ty Woosung	WOS-1	1
46	Công ty Dong Bang	DOB-5	2
47	Công ty RNL Life Science	RNLK-01	1
48	Công ty Choong Ang Vaccine Laboratory	CADL-13	13
49	Công ty Han Poong Industry	HPIK-01	1
50	Công ty Daesung Microbiological Lab	DAS-23	3
51	Công ty KBNP Inc	KPN-1	1
52	Công ty Shinil Biogen	SIL-28	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	CZECH REPUBLIC		
53	Công ty Bochemie Co.,ltd	BOCHE-7	7
54	Công ty Bioveta, A.S	BVTC-9	6
	INDONESIA		
55	Công ty Dwijaya Perkasa Abadi	DPAI-2	2
56	Công ty P.T.surya Hydup Satwa	SHS-02	2
57	Công ty P.T. Medion	MDI-59	22
58	Công ty PT Buana Inti Sentosa (Bis chem - Indonesia)	BISI-03	3
59	Công ty Anteromas	ATRMI-01	1
60	Công ty PD. Agribisnis Dan Pertambangan	PDPI-01	1
61	Công ty Cheil Sámung	CSJ-1	1
62	Công ty PT.Sorini Coporation TBK	SRI-1	1
	TAIWAN		
63	Công ty China Bestar Laboratories	CBL-2	1
64	Công ty Formosa Biomedical	FBI-4	3
	MALAYSIA		
65	Công ty Y.S.P Industries (M) SDN. BHD	YSPM-47	5
66	Công ty Vaccines And Pharmaceuticals SDN. BHD	MVP-6	6
	UNITED STATE OF AMERICA (USA)		
67	Công ty Alltechnology Center Inc	ABC-9	1
68	Công ty NHBT International	NHBT-1	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
69	Công ty International Nutrition	IN-45	10
70	Công ty Fort Dodge Animal Health	SAH-19, FDA-25, SVI-1	38
71	Công ty Lohmann Animal Health Int	VL-18	18
72	Công ty Embrex, Inc	EMB-1	1
73	Công ty Pfizer	PFU-76	40
74	Công ty Shering-Plough Animal Health Corporation	MKV-23	19
75	Công ty Ameco-Bios	ABU-03	3
76	Công ty Berghausen Corporation	BHSU-3	3
77	Công ty Dow Chemical	DCC-1	1
78	Công ty Agripharm	RXV-7	3
	NEW ZEALAND		
79	Công ty Bomac Laboratories	BLL-10	5
	JAPAN		
80	Công ty Kitasato Institute	KTS-1	1
81	Công ty Scientific Feed Laboratory	SS-3	3
82	Công ty Nissan Chemical Industries	NCIJ-1	1
83	Công ty Kyoritsu Seiyaku Corporation	KSC	1
	FRANCE		
84	Công ty Merial (Rhône Merlieux-Rhône Poulenc)	MRA-209	69
85	Công ty Noe Socopharm	NOEF-15	4
86	Công ty Prodeta	PDT-1	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
87	Công ty Cevasante Animale	SNF-92	9
88	Công ty Vetoquinol	VQ-40	7
89	Công ty Virbac	VB-61, AV-25	16
90	Công ty Laboratories Sovegal	SGV-1	1
91	Công ty Cobiotex CRT Agir	CRT-1	1
92	Công ty Evialis (Franvet)	FRAN-6	1
93	Công ty Laboratories Biové	BIOVE-26	1
94	Công ty Laboratoríes Ceetal	LCE-01	1
95	Công ty Olmix Le Lintan	OLMIX-1	1
	HUNGARY		
96	Công ty Ceva-phylaxia Veterinary Biologicals	SNF-89	18
	SINGAPORE		
97	Công ty Bestar Laboratories	BTS-14	14
98	Công ty Zagro Singapore pte	ZEL-14	4
	SPAIN		
99	Công ty Laboratories Hipra S.A	HP-45	20
100	Công ty S.P Veterinaria, S.A	SPV-33	1
101	Công ty Investigaciones Quimicas Y Farmaceuticals	IQF-8	7
102	Công ty Laboratorios Calier, S.A	CALIER-20	3
103	Công ty Laboratorios Syva, S.A	SYVAS-14	3
104	Công ty Invesa International S.A	IIS-26	1

TT	Nhà sản xuất	Số đăng ký cuối cùng	Tổng số sản phẩm
	THAILAND		
105	Công ty Better Phama	BP-33	3
106	Công ty Mixwell Maketing Co., Ltd	MMC-1	1
107	Công ty A.N.B. Laboratoryes Company Ltd	ANB-1	1
108	Công ty Nutrichem	NCT-2	2
109	Công ty L.B.S Laboratory	LBS-1	1
	THỤY SỸ (SWISS)		
110	Công ty Novartis Consulting AG	NVT-7; GRA-13,CGN-14	20
	CHINA		
111	Công ty Lanzhou Veterinary Research Institute	VLC-2	2
112	Công ty Merial Nanjing Animal Health	MNA-1	1
113	Công ty Phát triển công nghệ sinh học Harbin	HBD-2	2
114	Công ty China Agricultural Vêterinary Biological Science and Technology	CAV-1	1
115	Công ty Lonza Guangzhou Ltd-Lonza Group	LAZ-1	1
116	Công ty QYH Biotech	QYH-2	2
117	Công ty Chengdu Medical E&P of China Animal Husbandry	CME-2	2
118	Công ty Guangdong Dahuanong Animal Health Products	GDA-1	1
	TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP (UEA)		
119	Công ty Pharm Care International	PI-1	1
	CHI LÊ		
120	Công ty Laboratorio Centrovet LTDA	LACE-2	1

DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vina-rost	Cloprostenol sodium	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục, động dục ẩn	TWI-X3-204
2	Progesteron	Progesteron	Ống	2; 5; 10; 20 ml	Làm giảm co bóp và ổn định tử cung, an thai. Chữa vô sinh, chứng cuồng dục	TWI-X3-205
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống	20UI	Kích sữa, tăng co bóp dạ con, kích đẻ	TWI-X3-175
4	Calcium fort	Calci gluconate	Ống, Lọ	5ml 50, 100, 500ml	Trị bại liệt, hạ canxi huyết, còi xương, co giật	TWI-X3-47
5	Nước cất	Nước cất 2 lần	Ống	5ml	Dùng để pha tiêm	TWI-X3-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Mg-calcium fort	Magie clorid, Calci gluconat	Lọ	50, 100ml	Trị bại liệt, co giật, còi xương, táo bón, viêm khớp, sốt sữa	TWI-X3-147
7	Dung môi pha tiêm	Anpha propandial 1,2, Anphahydroxytoluen	Lọ	100, 500ml	Pha thuốc tiêm	TWI-X3-165
8	Nước sinh lý 0,9%	Natri clorid	Lọ	100ml	Pha vaccin	TWI-X3-176

2. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calci-Mg-glutamat	Ca, Mg, acid glutamic	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-66
2	Calci-Mg-B_{12}	Ca, Mg, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Ca, Mg	UHN-67

3. Công ty TNHH thuốc thú y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước sinh lý 0,9%	NaCL	Lọ	100ml	Chống mất nước, cân bằng điện giải	HCN-21

4. Công ty TNHH Tân Minh Hà

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sub Til	Nha bào B. subtilis $10^{5-7/1g}$	Gói	3, 6, 60; 120; 1200g	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm, kích thích tiêu hóa	TMH-3
2	Thuốc trị ghẻ nấm	Sulfure, Kalium cabonic, Oxít kẽm	Lọ, chai	40; 50; 60; 150ml	Trị ghẻ và nấm ở trâu, bò, lợn chó	TMH-04

5. Công ty cổ phần thuốc thú y Trung ương 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Canci.B	Canxi gluconat	Ống, Lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Chống bại liệt, còi xương, co giật	TW5-42
2	Five-Prost	Cloprostenol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị rối loạn chức năng buồng trứng, lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục	TW5-108
3	Five-Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích đẻ, tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	TW5-111

6. Công ty cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Via.Calma Fort	Ca. gluconat Magie clorua	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng,trị các chứng thiếu Canxi và Magie do rối loạn trao đổi chất	VA-28

7. Công ty TNHH Hùng Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cồn Iod 5%	Iod	Lọ	20, 50ml	Sát trùng ngoài da	XHC-10
2	Canxi Clorua 10%	Calci clorid	Ống	2, 5, 10ml	Trị bại liệt trước và sau khi đẻ	XHC-20
3	Cồn metylsalixilat	Metyl salixilat	Lọ	10, 20, 50ml	Giảm đau khớp	XHC-39
4	Kẽm Sulfat	Kẽm Sulfat	Gói	2, 3, 5, 10, 20g	Bổ sung nguyên tố vi lượng	XHC-48

8. Xưởng SXTN thuốc thú y - viện thú y Quốc Gia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Canxigluconat (5%; 10%)	Canxigluconat	Ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng chống sốt sữa, các chứng co giật, bại liệt trước và sau khi đẻ, chữa còi xương, loãng xương,..	VTY-X-14

9. Công ty TNHH sản xuất, dịch vụ, thương mại Thịnh Vượng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vamidin	Dimethylphtalat	Lọ	20; 50; 100ml	Trị ghẻ da, mò mạt, chống muỗi, xua đuổi côn trùng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, thỏ	THV-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Xanh methylen 1%	Xanh methylen	Chai	20; 50; 100ml; 1lít	Thuốc sát trùng	THV-21
3	Nước sinh lý 0,9%	NaCl	Chai	50; 100; 500ml; 1lít	Chống mất nước, cân bằng điện giải	THV-22

10. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	HN. Oxytocin	Oxytocin	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, kích thích tiết sữa	HN-30

11. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET CO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Phartocin	Oxytocin	Ống Lọ	2;5 ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị liệt dạ con, sót nhau, thúc đẻ	PHAR-53
2	PharCalci-F	Calcigluconat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt	PHAR-19
3	PharCalci-C	Calcigluconat, Vit C	Ống, lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, vit C, tăng sức đề kháng	PHAR-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	PharCalci-B_{12}	Calcigluconat Vit B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc	PHAR-21
5	Calci-Mg-B_6	Calcigluconat, Vit B_6 Magnesi chlorid;	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc, táo bón	PHAR-22
6	Ringer-Pharm	Natri clorid, Kali clorid, Calci clorid dihydrat, Natri lactat	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn cân bằng điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, thỏ, chó, mèo	PHAR-71
7	Phar-F.B 1080	Sắt (Dextran), Vitamin B_{12}, Phenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PHAR-72
8	F2-Propharm	Cloprostenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên lợn nái	Phar-95

12. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần	Ống, lọ	5; 50; 100ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	TW-XI-44
2	Sinh lý mặn	NaCl	Lọ	10; 15; 20; 25; 50; 100; 500ml	Trợ lực khi mất máu, mất nước, lợi tiểu, giải độc	TW-XI-46

13. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Ống, lọ	5; 10; 100 ml	Nước cất pha tiêm	SH-43
2	Nước muối sinh lý	NaCl (0,9%)	Ống, lọ	5; 100 ml	Chống mất nước	SH-45

14. Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BM- Mg.Calci B_{12}	Calci gluconate, Vit B_{12} Magnesi clorua, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1lít	Trị rối loạn do thiếu calci và magiê trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	BM-43
2	BM- Fe B_{12}	Sắt Dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1lít	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt và B_{12} trên lợn con, bê con	BM-27

15. Công ty CP công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV- Sắt- Dextran	Fe (dạng Dextran)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên lợn con	BTV-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	BTV- Sắt- B_{12}	Fe (dạng Dextran)	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu, tránh stress trên lợn con	BTV-50

HƯNG YÊN

16. Công ty TNHH Nam Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TD.Oxytoxin	Oxytoxin	Ống	2; 5; 10; 20ml	Kích thích đẻ	ND-48
2	Sinh lý mặn	Nacl	Lọ	20; 50; 100ml	Nước muối đẳng trương	ND-68
3	TD. E.C.P	Estradiol, Vitamin E	Lọ	5; 10ml	Kích dục	ND-64
4	TD.Calciron 45%	Calcium Acid boric	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh do thiếu can xi: bại liệt, còi, mềm, xốp xương	ND-101
5	TD. Gesteron	Progesterone, Vitamin E	Chai	2; 10; 20; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, loạn sản trâu, bò, ngựa, heo	ND-192
6	TD.Calcium-D	Gluconate calcium, Magnesium hypophosphite, Vit D_3	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Ca, Magie và Vit D_3 trên gia súc	ND-195
7	TD. Estrol	Cloprostenol	Ống, Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kiểm soát động dục trên trâu, bò cái, lợn cái	ND-221

NAM ĐỊNH

17. Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi HACO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Thuốc trị ghẻ nấm	S, $Ca(OH)_2$	Lọ	50ml	Trị ghẻ, nấm ở lợn, trâu, bò, chó, mèo	HACO-01
2	Xanh Methylen	Xanh Methylen	Lọ	50ml	Sát trùng, trị nấm ở trâu, bò, chó, mèo	HACO-02

THÁI BÌNH

18. Công ty liên doanh Bình Giang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Thuốc sát trùng số 1	Calcium hypochorite, Sodiumper carbonate, vôi bột	Túi	190g	Sát trùng nhà nuôi, dụng cụ và khu vực nuôi tằm	LDBG-1
2	Thuốc sát trùng số 2	Calciumhypo chorite, vôi bột	Túi	200g	Sát trùng thân tằm, nong tầm	LDBG-2
3	Thuốc diệt kiến, dán	Phoxim	Túi	4g	Diệt kiến, dán	LDBG-4

19. Công ty TNHH sản xuất thuốc thú y Trường Hằng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tr' Han-Elec	Sodium hydrocarbonate, Potassium clorid	Túi, Lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị mất cân bằng các chất điện giải	TH-12

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

20. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn	Natri chlorua	Chai	25, 100ml, 500 ml	Phòng và chữa bệnh mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-32
2	Calcifort	Calci	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Thuốc bổ sung calci	TWII-36
3	Oxytocin 10 UI	Oxytocin	Ống	2ml	Thuốc dục đẻ	TWII-51
4	Navet-Interferon	Interferon alpha tái tổ hợp	Chai	4; 10ml	Hỗ trợ điều trị cùng với kháng sinh đối với bệnh viêm vú bò do vi khuẩn gây ra	TWII-123

21. Công ty TNHH một thành viên dược thú y Thuận Kiều

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Gluconate Ca	Gluconate calcium	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Cung cấp Calci	HCM-X1-62
2	Gluconat De Ca10%	Gluconate calcium	Ống	5ml	Cung cấp Calci	HCM-X1-12
3	Oxytoxin	Oxytoxin	Ống chai	2ml 50, 100ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích tăng tiết sữa	HCM-X1-41

22. Công ty cổ phần Sài Gòn V.E.T

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	SG.Hepatol	NaCl, KCl, $CaCl_2$, $MgCL_2$, Sorbitol,	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp các chất điện giải cho thú	HCM-X2-233

23. Công ty TNHH Minh Huy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	ECP	Estradiol benzoat	Lọ, chai	4ml	giảm động dục, thụ thai, rối loại sự rụng trứng	HCM-X4-43

24. Cơ sở sản xuất dược thú y Khoa Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Calci gluconat	Calci gluconat	Ống	3; 5; 100; 500ml; 1lít	Tăng cường calci	HCM-X5-10
2	Calcifort	Calci gluconat	Ống	5, 100, 1000ml	Tăng cường calci	HCM-X5-19
3	E.C.P	Estradiol benzoat, Vitamin E	Lọ	5ml	Kích thích sinh sản	HCM-X5-23

25. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Sài Gòn (SONAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	E C P	Estradiol-Benzoat	Lọ	4ml	Kích thích phát triển dạ con âm đạo, buồng trứng, kích dục, khó thụ thai	HCM X9-33
2	Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích co bóp tử cung - kích thích đẻ nhanh, tiết sữa,…	HCM X9-113

26. Cơ sở dược thú y Phú Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calcigluconat 10%	Calcium gluconate	Ống, Lọ, chai	5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống liệt, bổ sung calci	HCM-X13-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Ensubtol-PT	Lactobacillus	Gói, Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Kích thích tiêu hóa	HCM-X13-29
3	Sulfate-Kẽm	$ZnSO_4$	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Bổ sung kẽm	HCM-X13-31
4	Sulfate-Magnesium	$MgSO_4$	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung magne (nhuận tràng)	HCM-X13-32
5	Sinh lý mặn	NaCL	Ống Chai	5ml 100; 500ml	Bổ sung nước cho cơ thể khi bị chảy máy, ỉa chảy nặng	HCM-X13-44
6	PT-Electrolyte CK	HCO_3^-, PO_4^{3-}, CL^-, Na^+, K^+, Vita C, K	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Bổ sung chất điện giải, Vitamin C, K	HCM-X13-50

27. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vivferum	Iron dextran	Ống Lọ; chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50ml; 100ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HCM-X15-46
2	Calcigluconat 10%	Calci gluconate	Ống Lọ, chai	2; 5; 20ml 10; 20; 50, 100ml	Phòng và trị các chứng bại liệt do thiếu calci ở gia súc, gia cầm	HCM-X15-96

28. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Calciboma	Calci gluconat, Magie clorua	Ống, lọ	10ml. 50, 100, 250, 500ml	Bổ sung năng lượng, điện giải, giảm các cơn đau do co thắt	HCM-X18-48

29. Công ty TNHH kinh doanh thuốc thú y Minh Ngân

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn đẳng trương 0, 9%	NaCl	Lọ, chai	100, 500ml	Chống mất nước ở thú bị tiêu chảy nhiều và kéo dài; Dùng pha thuốc để tiêm	MNV-10
2	Calcigluconat 20%	Calcium gluconate	Ống, lọ	5; 50; 100ml	Trị các chứng thiếu calcium	MNV-11
3	Estradiol benzoate	Estradiol benzoate, Vitamin E	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Kích thích gây động dục ở thú; Điều trị chứng không rụng trứng	MNV-81
4	Oxytocin (5UI/ml)	Oxytocin	Ống, lọ	2ml; 10; 50ml	Gây co bóp tử cung, thúc đẩy tiết sữa	MNV-87
5	Fer	Fe^{3+}	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc	MNV-82
6	Fer-B_{12}	Fe^{3+}, Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu ở gia súc non, bệnh thiếu máu do KST	MNV-83

30. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y ANPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ	10-20-50-100-250ml	Dùng cho trường hợp gia súc sinh khó	HCM-X19-86

31. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	NP-Fe+B_{12}	Fe (Dextran), Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35
2	Oxytocin	Oxytocin	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X24-20
3	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
4	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63

32. Công ty TNHH sản xuất thương mại Lê Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn 0,9%	NaCl	Lọ, chai	5, 50, 100, 500ml	Cung cấp chất điện giải cho cơ thể, phòng chống mất nước trong tiêu chảy, ói mửa	HCM-X10-36

TỈNH TÂY NINH

33. Công ty TNHH TM - SX A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nutrisal	Butaphosphan, Cyanocobalamine, Nicotinamide, DL- Methionine, Taurine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trợ sức trong quá trình điều trị, phục hồi thú suy nhược gầy còm, rối loạn về chuyển hóa, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-15
2	AA-Vicom	L-Arginine, Ascorbic acid Glycine, L-Methionine, Thiamine, Riboflavin sodium phosphate,Nicotinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị suy nhược, giúp phục hồi suy nhược do bệnh hoặc sau phẫu thuật, bệnh do thiếu protein và vitamin trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ASTA-18
3	Proges- E	Progesterol,Vitamin E	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục trên bò, ngựa, heo	ASTA-36
4	Estrol- HCG	Chlorionic gonadotropin, Oestradiol benzoat	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều tiết sinh sản, gây động dục	ASTA-48

TỈNH LONG AN

34. Công ty TNHH dược phẩm thú y - thủy sản Long An

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxytoxin-LA	Oxytoxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, giúp sinh đẻ nhanh	LAV-72

TỈNH TIỀN GIANG

35. Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	E.C.P	Estradiol Cypionate; Vitamin E	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng khả năng sinh sản: kích thích rụng trứng, động dục, tăng khả năng thụ thai	CL-09
2	Sinh lý mặn 9‰	Muối NaCl	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Dùng cho các bệnh mất nước, thiếu máu, pha thuốc tiêm	CL-66
3	Fer-Dextran 5%	Fer-Dextran	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con, trị bệnh còi cọc, giúp tăng trọng	CL-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ, chai	2ml 10; 20; 50; 100; 250ml	Kích thích đẻ, ra nhau sớm, tiết sữa, tăng cường co bóp đẩy các chất dơ bẩn	CL-69
5	Calcium fort	Gluconate Ca	Ống Chai	5ml 20; 50; 100ml	Trị còi xương, mềm xương, bại liệt trước và sau sinh, sốt sữa,	CL-72
6	E.C.P Complex	Estradiolcyclopantyl propionat, vitamin E	Ống; lọ	2ml; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng cường khả năng sinh sản, kích thích động dục và khả năng thụ thai ở gia súc	CL-122
7	Gluconate Ca 10%	Gluconate Ca	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi như: còi xương, loãng xương, co giật, sốt sữa, bại liệt	CL-185

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

36. Công ty thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Sinh lý mặn 9‰	Nacl	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Duy trì cân bằng Ion, mất nước ngoại tế bào	CT(HG)-76

37. Công ty thuốc thú y Á Châu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Calcium-Fort	Calcium gluconat	Ống, chai, lọ	5ml; 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, các chứng bại liệt của gia súc, gia cầm	APC-115
2	Calcium C	Calcium, C	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, bổ sung vitamin giúp thú mau lại sức sau khi bệnh	APC-145
3	Sinh lý mặn	Natri clorua	Lọ, chai	100, 200, 500ml	Bổ sung nước, thiếu muối, pha thuốc tiêm	APC-146

B. DANH MỤC VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Thịnh Á (ASIFAC)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Iron Dextran 10%	Sắt (Fe)	Thùng	200lít	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo con	TA/DP-1
2	Iron Dextran 10%-B_{12}	Sắt (Fe) + Vitamin B_{12}	Thùng	200lít	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo con	TA/DP-2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng